

DU-GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

QUYỂN 13

(Bản Luận 51, 52, 53)

BẢN LUẬN 51

Trong Nhiếp Quyết Trạch phần, nói: “Ý địa thứ nhất trong năm Thức thân tương ứng địa”. Một bộ luận này tổng có năm phần, năm mươi quyển trước đã thuyết minh nghĩa Thể của mười bảy Địa, tức là Bản Địa phần thứ nhất, nghĩa của bốn phần sau là giải thích lại bốn phần đầu ở trước, đều gọi là Nhiếp phần này, là phần thứ nhất trong bốn phần sau, vì Nhiếp Quyết Trạch phần gọi là Quyết Trạch phần, hoặc có chỗ lấy văn để nhiếp văn, như phần Hữu ở trước, luận này giải thích lại lấy làm một phần, hoặc có chỗ lấy văn nhiếp nghĩa, như phần trước tuy nói Pháp thể, nhưng nghĩa của nó có chỗ chưa rõ ràng, luận này thuyết minh lại lấy làm một phần, như nói Nhân giới nhiếp Nhân giới v.v... tự thể nhiếp tự thể. Lại nữa, Trí của Sở thuyết quyết trạch chọn lựa các Địa không đồng, nhưng chọn lựa nghĩa thì đồng, lại thu nhiếp lẫn nhau, tức là lấy nghĩa để nhiếp nghĩa. Một phần giáo này là Năng thuyết quyết trạch, vì lấy Sở thuyết mà đặt tên cho nên gọi là Nhiếp cũng được, căn cứ theo Câu-xá luận gọi là Đối pháp tạng, vì nghĩa thù thắng trong Đối Pháp luận kia nhập vào Nhiếp này cho nên Nhiếp này được tên Tạng; hoặc Nhiếp này nương vào Tạng kia, từ Tạng kia dẫn sinh, là Sở tạng của Nhiếp kia cho nên cũng gọi là Tạng. Phần kia có hai nghĩa, thì phần này cũng vậy. Do nghĩa thù thắng trong Bản Địa phần ở trước nhiếp vào phần này để chọn lựa thuyết minh nó; hoặc phần này nương vào phần kia, từ Bản Địa dẫn sinh, tức là chỗ hàm chứa nghĩa của Bản Địa kia là chỗ nhiếp của phần này cho nên gọi là Nhiếp Quyết Trạch phần, cũng là lấy văn để nhiếp văn cho nên gọi là Nhiếp, đây là thuyết minh nghĩa của chữ Nhiếp. Câu nói “Quyết trạch phần”, Quyết là quyết đoán, là quyết định nghi ngờ của người khác cũng được. Quyết là quyết liễu, có thể tự mình hiểu rõ. Trạch là chọn lựa, có thể chọn lựa đúng sai,

luận này thuyết minh là phá sai, cho nên nói Quyết Trạch. Tà kiến thì bác không có, chân tục tuy quyết đoán, nhưng không phải quyết trạch là Phi; Nghi tuy quyết trạch là Phi nhưng không phải quyết đoán, nói Quyết là lựa riêng với nghi hoặc, nói Trạch lựa riêng với Tà kiến. Bản Địa phần ở trước nói thẳng về Nghĩa tướng, bây giờ phải vấn đáp lại.

Hỏi: Quyết nghi và trạch yếu cho nên gọi là Quyết trạch, Cựu luận ghi: “Quyết định tạng, là Phi, luận kia thì nói là Ni, Ma-khả gọi là Quyết định, đã nói Tỳ-ni sinh thì bề gãy tà, luận này nói Quyết trạch thì làm sao được gọi là Quyết định tạng luận?”

Đáp: Nói “trong”, là lựa riêng với nghĩa Trì, trong mười bảy Địa thì lựa riêng với mười lăm Địa còn lại, nghĩa Trì thì thuyết minh hai Địa này, cho nên nói là “trong”. Nói “phần”, là các phần phân ra, phân riêng các khu phần, là một phần ở sau Bản Địa, ở trước Nhiếp Trạch. Nói “Ý địa của năm Thức thân tương ứng địa”, như Bản Địa phần giải thích.

Hỏi: Tại sao không nói Ý thức?

Đáp: Vì danh từ đó lạm tràn, ở đây thuyết minh tâm, ý, ý thức, cho nên không đặt thức vào.

Hỏi: Nghĩa của hai chữ “tương ứng” không chỉ câu thức trong năm Thức, tại sao ban đầu nêu ra không gọi là Ý hữu?

Đáp: Thật ra đều là Hữu, nhưng lược bỏ không nói. Lại nữa, nêu cái ban đầu ra là để hiển cái sau cùng, cho nên Ý địa không tương ứng. Lại nữa, căn cứ theo pháp thù thắng để thuyết minh năm Thức không có Chấp trì v.v... cảnh của nó thì nhỏ hẹp, cho nên chỉ nêu Tương ứng mà không nói Căn trần, trong ý kiêm gồm thuyết minh hai Thức thứ bảy và thứ tám, cả Căn trần v.v... đều thuyết minh, không thể thiên gọi là Tương ứng, cho nên lược bỏ.

Hỏi: Bản Địa phần ở trước đã khai làm hai Địa, làm sao chỗ này hợp với thuyết minh ở trước?

Đáp: Có hai ý:

1. Sáu Thức gọi là Biệt y, là chỗ y chung của sáu căn, là Bản thức, hiện tại phần này thuyết minh đầu tiên là Thức thứ tám, vì là chỗ y chung của năm Thức và sáu Thức, cho nên thuyết minh chung, phần trước phỏng theo nghĩa tự tánh của nghiệp dụng, cho nên riêng khai làm hai Địa.

2. Sáu Thức gọi là Biệt chủng tử, nương trong Bản Địa phần, tuy thuyết minh A-lại-da, chỉ thuyết minh chỗ y của Chủng tử, vì tùy theo sáu Thức mà nói thì công năng của mỗi mỗi Thức đều khác nhau, cho

nên riêng khai làm hai Địa.

Hiện tại trong “phần” này kiêm gồm thuyết minh Hiện hành, Thức thứ tám là chỗ y chung của sáu Thức, đã là chỗ y chung thì không thể riêng khai làm hai Địa để thuyết minh, cho nên hợp chung lại nói, từ Thức thứ tám hợp làm một để thuyết minh. Lại nữa, chỉ phỏng theo Tác nghiệp, Tác nghiệp đã riêng thì cần phải khai riêng ra để thuyết minh, đều nương vào Căn duyên Trần, tướng trạng của hạnh thì đồng, cho nên hợp chung lại nói. Lại nữa, như Hiển Dương quyển 6 ghi: “Hỏi: A-lại-da thức là chỗ nhiếp của Thức nào? Đáp: Là sáu Thức nhiếp”. Trước phỏng theo Chung tử phân riêng, bây giờ thì phỏng theo chỗ nhiếp của sáu Thức, cho nên hợp chung lại thuyết minh Quyết Trạch của Địa này, hợp chung có bảy quyển, đây là quyển đầu cho nên gọi là thứ nhất, tức là đầu tiên xứng với một Ý địa của năm Thức thân tương ứng địa trong Nhiếp Quyết Trạch phần. Ngay trong Phần này có ba đoạn:

1. Tổng kết phần trước sinh phần sau để phát khởi đầu luận.
2. Giải thích ý hưng khởi của phần.
3. Nương vào Địa mà phân tích.

Đoạn thứ nhất và thứ hai cũng như văn, đoạn thứ ba là chánh phân tích năm ý, hợp chung thuyết minh ba Địa của Tâm tứ v.v... hợp chung là mười bốn Phần. Ngay trong đoạn thứ ba có hai đoạn nhỏ: một là chọn lựa riêng để thuyết minh một Địa, hai là chánh phân tích, như văn có thể hiểu. Hiện tại thuyết minh trong Địa này tổng có bảy quyển, ba quyển rưỡi trước thuyết minh năm Thiện xảo, ba quyển rưỡi sau thuyết minh sáu Thiện xảo, trong ba quyển rưỡi trước có nhiều đoạn, luận này ba quyển rưỡi trước lại hợp chung làm hai đoạn, đoạn thứ nhất trước đã thuyết minh hưng khởi ba câu hỏi, đoạn thứ hai nương vào câu hỏi mà chánh đáp. Ngay trong câu hỏi có ba đoạn:

1. Bản thức ở trước, làm Sở quyết trạch.
2. Mở đầu ba câu hỏi, để hỏi nguyên nhân đưa đến.
3. Chánh đề ba câu hỏi, để khiến cho hưng khởi quyết trạch.

Luận ghi: “Hỏi: Trước nói chỗ y của Chung tử là A-lại-da thức”, đây là câu hỏi thứ nhất, là trong Bản Địa phần ở trước đã thuyết minh Thức thứ tám là chỗ y của Chung tử. Vì Chung tử đều nương vào Hữu cho nên các luận của Tiểu thừa chưa nói Hữu. “Nhân duyên rộng phân biệt nghĩa của Hữu”, đây là đoạn thứ hai khai làm ba đầu mối của câu hỏi để hỏi nguyên nhân đưa đến. “Nhưng chưa nói Hữu”, Bản Địa ở trước tuy Đại thừa có Thức thứ tám, nhưng kinh của Tiểu thừa thì chưa nói có một câu hỏi nào.

Hỏi: Như Nhiếp luận dẫn trong kinh Tiểu thừa rằng: “Ái, Lạc, Hỷ tập nhiễm A-lại-da, trong các kinh khác cũng nói như vậy, trong luận này nói thì ngay trong kinh Tiểu thừa đã có, nhưng tại sao nói là chưa có?”

Đáp: Có hai nghĩa mà kinh Tiểu thừa này không có, là nói như Tát-bà-đa bộ v.v... Lại nữa, nhưng kinh Tiểu thừa kia tuy nói có Thế, tức là Thức thứ sáu không có riêng Sở thuyên và các nghĩa riêng khác, cho là nhân duyên rộng phân biệt v.v... Luận này nói: “Chưa có”, là không riêng có Hữu thể cho nên không phải gọi là Hữu. “Nhân duyên của Hữu”, Hữu này là nguyên nhân của Thức thứ tám. Tuy nói là Hữu, nhưng chưa biết nguyên nhân của Hữu, đã biết nguyên nhân Hữu cho nên Thức thứ tám còn tồn tại, chính là cùng với các tâm Sở thọ hiện tại như Thọ v.v... đồng thời chuyển để rộng phân biệt nghĩa, tức là làm câu hỏi thứ ba.

Luận ghi: “Tại sao không nói” trở xuống, nói đoạn thứ ba là chánh thiết lập ba câu hỏi khiến cho hưng khởi sự quyết trạch.

Luận ghi: “Đáp: Do kiến lập này là Phật Thế Tôn” trở xuống câu đáp thứ hai, trong đáp thì tùy câu hỏi mà làm ba câu đáp. Trong đáp câu hỏi thứ nhất này, văn Trường hàng thứ nhất tổng đáp là “rất sâu kín cho nên không nói”. Nguyên nhân dẫn kinh câu đáp thứ hai chính ghi: “Không nói”.

Luận: Tụng ghi: “A-lại-da thức rất sâu kín”, trở xuống là nêu kinh ra chánh phân tích “không nói dừng lại”, một câu tụng này là tổng hiển rõ chỗ sâu xa vi tế; câu thứ hai và thứ tư thì chánh thuyết minh nguyên nhân “không nói”, câu thứ ba là chánh thuyết minh “không nói”.

Hỏi: Tại sao câu thứ tư và thứ hai thuyết minh nguyên nhân “không nói”?

Đáp: Có hai nghĩa cho nên không nói: một là vì thâm tế cho nên không nói, tức là câu thứ hai chánh thuyết minh nghĩa thâm tế; hai là vì sợ khởi phiến não cho nên không nói vì những người đó mà nói, tức là câu thứ tư. Trước đã nói: “Câu thứ bảy và thứ tám đều gọi là A-đà-na”, là không đúng, tức là Tụng của Cựu luận ghi: “Chấp trì thức thâm tế”, đã nói là Chấp trì thì Thức thứ bảy lẽ nào là Năng trì? Phạm âm là Ngật-lợi-sắc-tra Mạt-na, ở đây dịch là Nhiễm ô ý, hiện tại gọi A-đà-na, là nghĩa Chấp trì của Thức thứ tám, một câu này tổng nêu sự thâm tế của Thức thứ tám.

Hỏi: Chấp trì thức thâm tế của Cựu luận, tại sao luận này ngược lại riêng gọi là Hữu, nguyên nhân tại sao?

Đáp: Hai chữ Chấp trì, nghĩa của nó đúng đấy, nhưng lựa riêng thì có khác, vì nghĩa lựa riêng không đồng. Tại sao vậy? Vì trước đã nói là thâm tế, chỉ lựa riêng với phàm phu nhưng chưa lựa riêng với Nhị thừa, chính vì phàm phu dựa vào nghĩa đều thô thiển, ở đây nói thâm tế là chỉ lựa riêng với phàm phu, vì chính giáo nghĩa của Nhị thừa đều thâm tế, giáo nghĩa này nên ban cho v.v... Nhưng hiện tại lấy chữ “thậm” để lựa riêng với Nhị thừa, vì kinh giáo của Nhị thừa là thâm tế, nhưng không có “thậm”, đây là lựa riêng sự cụ túc cho nên cần phải khác nhau, do đó ở dưới ghi: “Bậc Thánh Kiến đế mới có thể hiểu rõ, ngoài ra thì chưa có thể hiểu được”. Trước Kiến đạo thì Thức thứ sáu không phải là Duy thức quán, chưa thấy Thức thứ tám, khi nhập Kiến mới biết, cho nên nói: “Thậm thâm tế”.

Luận ghi: “Tất cả Chủng tử như bọc lưu”, một câu này đã nêu ra ý nghĩa “thâm tế” của Thức thứ tám nhưng không vì người kia mà nói, tức là nguyên nhân thứ nhất “không nói” thâm tế. Sông chưa bị gió thổi thì gọi là nước chảy bình lặng, nếu bị gió thổi thì mới thành sóng to dấy khởi. Thức này cũng vậy, gió Năng huân chưa kích động, thì chỉ có niệm niệm bình lặng lưu chuyển, khi gió Năng huân kích động thì thành Chủng tử, thì như sóng to, hoặc Chủng tử sinh Hiện hành. Do như sóng to, là nhân của một lượng sóng thì đến một lượng sóng sinh, nhân của nhiều sóng thì đến nhiều sóng dấy khởi.

Hỏi: Trước đã nói ngược lại “Chủng tử như hằng lưu”, bây giờ thì có khác gì?

Đáp: Tuy gọi là Chủng tử, nhưng chưa biết nó là thế nào, nếu nói thì sợ có câu chấp, bây giờ nói là “tất cả”, ý nghĩa bao hàm. Lại nữa, hai chữ “hằng lưu” này có nghĩa gì? Nếu hằng như nước chảy thì không phải, nếu như thường hằng mà chảy, thì lẽ nào lại phỏng theo nghĩa của Nhân huân tập, bây giờ nói “bọc lưu” thì nghĩa ở tại hai chữ này.

Luận ghi: “Ta đối phàm ngu không diễn nói”, một câu này là chánh thuyết minh nguyên nhân “không nói” thứ ba, vì nghĩa của Tiểu thừa có tên gọi nhưng không có Thế, đây là “Ta đối với phàm ngu không diễn nói”, vì chỉ khai tên gọi, điều đó tại phàm phu thì tên gọi cũng chưa khai diễn, tức là “Ta đối với phàm không khai diễn”. Nếu tên gọi của Tiểu thừa đã có, nhưng không vì Tiểu thừa mà khai diễn, nếu tên gọi cũng chưa có, thì cũng không vì Tiểu thừa mà khai diễn.

Hỏi: Đã không vì Nhị thừa và Phàm phu mà diễn nói, tại sao bây giờ lại nói để khiến cho phàm phu nghe?

Đáp: Nghe trong đây có hai người, trong Thanh văn có hai hạng

người: một là căn không thuần thực, hai là căn chưa thuần thực. Người thứ nhất là Quyết định tánh, người thứ hai là Bất định tánh, cho nên không vì hai người đó mà diễn nói. Nếu căn của Bất định tánh đã thuần thực, thì làm sao không vì người đó diễn nói? Phàm phu cũng vậy: một là căn không thuần thực, là người không có chủng tánh; hai là căn chưa thuần thực, cho nên không vì người đó mà diễn nói. Hiện tại luận này phỏng theo người nghe đều là căn đã thuần thực, cho nên được nghe, luận này ghi: “Đối với phàm ngu không khai diễn”, là nghĩa ở tại câu này.

Hỏi: Trước nói: “Đối với phàm, Ta không nói”, thì điều này có gì khác?

Đáp: Tức là nói “không phải phàm phu”, chỉ lựa riêng với phàm phu, không phải Nhị thừa. Luận này nói thì ý không phải như vậy.

Luận ghi: “Sợ họ phân biệt chấp làm Ngã”, tức là câu thứ tư, giải thích “không nói” của câu thứ hai, nguyên nhân bị khởi phiền não mà không nói. Phàm phu có hai chấp chưa đoạn dứt, sợ sinh khởi hai thứ chấp Ngã. Ngã của người Nhị thừa tuy đã trừ, nhưng pháp Ngã còn tồn tại, chính là sợ khởi cái Ngã này. Ngã có hai thứ: một là Phân biệt ngã, hai là Câu sinh ngã. Câu sinh ngã thì mặc tình tùy ý mà sinh, Phân biệt ngã thì nương vào giáo mới khởi, vì sợ phàm phu nương vào giáo mà phân biệt thì hai Ngã đều sinh, Nhị thừa thì nương vào sự phân biệt thì pháp Ngã được khởi, cho nên không vì hai người đó mà diễn nói.

Hỏi: Trước nói: “A-lại-da kia chớ chấp làm Ngã”, thì ở đây có khác gì?

Đáp: Đây là nói tổng quát, chưa lựa riêng với bất cứ Ngã nào, nghĩa đó có thể biết được.

Hỏi: Thức thứ tám tương tục như là thường nhất, sợ khởi Ngã kiến của người, phàm phu không nghe Bản thức có thể tương, thật ra là nghĩ ngợi đến Pháp chấp, cho nên phần lớn là không nói?

Đáp: Nói Thức thứ tám tuy sinh Pháp chấp, nhưng nếu trừ Pháp chấp thì chắc chắn là do Duy thức, Thức thứ tám đã là Nhân duyên như thật của các pháp, đây là gốc của Duy thức, cho nên vì đại căn mà được nói Bản thức (lại có vấn nạn đuổi theo v.v... hãy suy nghĩ) “Nghĩa của Thức này”, là Phật thuyết pháp chủ yếu lấy lợi vật làm gốc. “Nếu thuyết pháp này, ban đầu không đọa sinh tử, cuối cùng có thể khiến cho đắc Niết-bàn”, thì Phật liền vì người đó mà thuyết, nhưng Thức này phàm phu nghe đến thì liền sinh phân biệt hai Ngã, nếu Nhị thừa nghe đến thì liền sinh Pháp chấp, và không thể khởi Duy thức quán, ban đầu

thì có tổn, cuối cùng nghe rồi thì không có ích.

Hỏi: Duy thức không phải là cảnh nhỏ, không vì người đó mà thuyết Thức thứ tám, Mạt-na thức thì quán đạo của Nhị thừa đã trừ thì đáng lẽ vì Nhị thừa mà thuyết?

Đáp: Hoặc chương của Mạt-na thức đối với Nhân quán thì quán Đạo của Nhị thừa được trừ Nhân chấp. Thức vi tế thì không phải Chứng trí của Nhị thừa do đó không vì Nhị thừa mà thuyết Thức thứ bảy, tức là như Kiến đạo tuy đoạn quả của ba nẻo ác, nhưng Thức thứ tám vi tế cho nên không vì bậc Kiến đạo mà nói, Mạt-na thức vi tế cho nên không phải Nhất thiết chủng trí của Kiến đạo kia, cũng không vì Kiến đạo mà nói.

Hỏi: Quán đạo của Nhị thừa có duyên với Mạt-na thức hay không?

Đáp: Vô phân biệt trí quán khi đoạn Hoặc thì Tự tướng quán, quán lý của Mạt-na thì Hậu đắc trí quán, không phải Nhất thiết chủng trí, đối với Sự sai biệt thì không có trí, cũng không cần duyên. Nương theo nghĩa này, sư Pháp nói: “Lấy chín môn để phân biệt tám Thức”, sư Bị thì lấy bảy môn để phân riêng tám Thức, đều như Đối Pháp sao ở trước.

Luận ghi: “Lại nữa, Ôn-đà-nam nói: Dưới đây là đáp câu hỏi thứ hai”, trong đây có hai đoạn:

1. Nêu bài tụng để tổng hiển tám nghĩa.
2. Văn trường hàng rộng giải thích.

Hỏi: Đoạn văn thứ nhất có thể hiểu, ngay trong văn trường hàng thì đoạn thứ nhất trình bày tám danh từ ngay trong bài tụng, đoạn thứ hai thứ tự giải thích Ôn-đà-nam, cùng với kinh Tự Thuyết Ôn-đà-nam có khác gì?

Đáp: Ngay trong thứ tự giải thích riêng có nghĩa không đồng, tức là tám đoạn, trong đoạn thứ nhất có hai câu. Hỏi thứ tự giải thích, câu hỏi có thể hiểu, trong câu đáp có năm Nhân không đồng, tức là năm đoạn, ý của Nhân thứ nhất là “trong các bộ Tiểu thừa v.v... không lập Bản thức, như các sư kinh Bộ lấy sáu Thức trì giữ thân”, ý của luận này không phải như vậy, nói: “Từ nghiệp đời trước sinh”, là có thể chấp trì thân. “Từ hiện tại Duyên sinh”, là không thể chấp trì. Đây là phỏng theo trường lý, không phỏng theo sáu Thức đối với một sát-na, hoặc khởi Dị thực tâm mà phá, như văn có thể hiểu. Trong đây nên lập Lượng rằng: “Chuyển thức của Nhân v.v... không phải là sau Năng chấp, là Tông; vì duyên hiện tại phát khởi, là Nhân; như âm thanh v.v... phát khởi, là Dụ. Hoặc có chuyển bổ cứu rằng: “Trong Nhân v.v... của

tôi cũng có Dị thực tâm, từ nghiệp đời trước sinh Năng chấp trì, tại sao ông nói rằng Chuyển thức của Nhân v.v... không phải sinh Năng chấp trì mà tổng quát ngăn trách tôi, bây giờ phải phá nó”, là Tỷ lượng của Nhân thứ ba ở dưới. Nếu như thế thì Nhân thứ ba ở dưới đáng lẽ không khác? Vì đã phá Nhân này rồi lại bỏ cứu, rồi lại bị phá, sau đó đã có phá, thì biết rõ trong đó chỉ phỏng theo đạo lý tương tục của trường lý mà phá, như trước đã giải thích, đây là Nhân thứ nhất. Nhân là nói về nguyên nhân, tức là Nhân của Tông nhân v.v... từ Nhân này đặt tên cho nên nói là năm Nhân. Trước tổng phá sáu Thức đã xong, dưới đây nhân theo các đoạn văn Sở khác mà phá, lại là chỗ phá của tâm thiện tánh và tâm bất thiện tánh xa khác. Nhân thứ hai cũng là thiện tánh khả đắc và bất thiện tánh khả đắc v.v... của sáu Thức thân. Nhân thứ hai, tức là Dục phá nó, lại còn ngăn trách các pháp khác, có Phi chấp thọ mới làm Đồng dụ mà có thể ngăn trách thiện và bất thiện kia. Giả sử có người giải thích rằng: “Thể của Niết-bàn có thể trì giữ chỗ y chỉ của Hữu lậu”, Lượng này nói: “Hai loại Niết-bàn quyết định không phải là chấp thọ, là Tông; Vì là Vô vi, là Nhân; cũng như hư không, là Dụ”, nghĩa này đã thành thì chuyển phá Đạo đế, nếu riêng cho rằng Đạo đế là Năng trì, thì phải lập Lượng rằng: “Thiện tâm vô lậu không thể chấp thọ các căn Hữu lậu, là Tông”, câu nói này là lựa riêng với Đại viên cảnh trí có thể chấp tự thân, nếu chỉ tổng nói Vô lậu thiện tâm không thể chấp thọ, tức là có lỗi Bất định, làm như Niết-bàn, vì là Vô lậu. Vô lậu thiện tâm không thể chấp thọ, làm như Đại viên cảnh trí, vì là Vô lậu mà có thể chấp thọ, để tránh lỗi này cho nên nói như vậy: “Vì là Vô lậu, là Nhân; do như Niết-bàn, là Dụ”. Nghĩa này đã thành thì cần phải chuyển phá tâm Hữu lậu, phải lập Lượng rằng: “Hữu lậu thiện tâm đáng lẽ không chấp thọ các căn Hữu lậu, là Tông; vì là Thiện, là Nhân; như Vô lậu thiện, là Dụ”. Thiện đã bị phá rồi thì bất thiện cần phải trừ, riêng lập Lượng rằng: “Các tâm bất thiện đáng lẽ không phải chấp thọ, là Tông; vì là tánh Hữu ký, là Nhân; cũng như Thiện phẩm kia, là Dụ”. Trong Vô ký có bốn loại Vô ký, vả lại trừ bỏ Dị thực thì ở tại Nhân thứ ba. Biến hóa v.v... có ba thứ, bây giờ phải riêng phá, lập Lượng rằng: “Ba loại tâm Vô ký đáng lẽ không phải chấp thọ, là Tông; vì bị gián đoạn, là Nhân; cũng như âm và điện chớp, là Dụ”. Hoặc Nhân dụ ghi: “Vì không phải tánh Dị thực, như thiện tâm và ác tâm, cho nên Nhân này cũng thiện”. Nhân trước có Dị thực sinh tâm làm lỗi Bất định, luận này ghi: “Tuy nói thiện tánh và bất thiện tánh, nhưng không nói Vô ký”, đã có chữ “vân vân” là thuyết minh các chỗ bị phá khác. Tuy trở lại đoạn

văn xa, nhưng chính tâm báo Vô ký trong sáu Thức của đoạn văn đó, trong đó có kế chấp, cho là chấp trì, phải phá kế chấp đó, cho nên Nhân thứ ba tức là ngăn trách kế chấp này.

Luận ghi: “Lại nữa, chỗ nhiếp loại bất khả đắc của Dị thực vô ký vô phú trong sáu Thức thân là Nhân thứ ba”, là nói trong sáu Thức tuy có Dị thực, nhưng chỉ có một niệm sinh khởi, hoặc các tâm gián đoạn, trước và sau là một loại, Dị thực sinh khởi thì chắc chắn là bất khả đắc, trước và sau là tánh của một loại Dị thực, không biến dị, có khả năng chấp trì, đó là Chân dị thực. Dị thực tâm trong sáu Thức này, chỉ có một niệm sinh khởi, không phải không có gián đoạn, đã không phải một loại thì đó là Dị thực sinh khởi, không phải xứng với lời nói mà có thể chấp thọ, phải lập Lượng rằng: “Sáu loại Chuyển thức không phải là Chân dị thực sinh khởi, là Tông; vì có gián đoạn, là Nhân; ví như gió, âm thanh v.v... là Dụ”. Lượng này chưa rõ ràng, phải lập riêng trở lại: “Một loại Dị thực vô ký vô phú của sáu Chuyển thức đã là bất khả đắc thì không thể chấp trì thân, là Tông; vì có nghĩa gián đoạn, là Nhân; thí dụ v.v... đồng như trước”. Hoặc phải lập Lượng rằng: “Dị thực sinh khởi tâm trong sáu Chuyển thức không thể chấp thọ, là Tông; vì có gián đoạn, là Nhân; như gió, âm thanh v.v... là Dụ”. Luận đó ghi: “Dị thực loại bất khả đắc”, tức là trong đó có Nhân gián đoạn mà nói, tức là Nhân kia đuổi theo vấn nạn: “Dị thực tâm trong sáu Thức là Dị thực sinh khởi, không phải Chân dị thực, không thể chấp trì, Tông của ông tại sao nói là Bất khổ và Bất lạc thọ? Từ Dị thực mà sinh, đã là Dị thực sinh khởi thì đáng lẽ không phải chấp thọ?”

Đáp: Dị thực sinh khởi có hai loại: một là từ Dị thực chủng tử mà sinh, hai là từ Dị thực tương tục mà sinh. Thức thứ sáu v.v... là Dị thực chủng tử sinh khởi, gọi là Giả dị thực, như Nhân căn v.v... không phải Chân dị thực, chính Thức thứ tám của nó là Dị thực tương tục sinh khởi, vì niệm trước và niệm sau đều là Dị thực. “Hiện tại niệm trước và niệm đều là Dị thực này”, đều là chấp trì, không phải sáu loại Thức, cho nên có khác nhau, tức là vì văn này, có một sự cho rằng: “Cõi Dục có Dị thực tâm thứ sáu”, có một sự khác cho rằng: “Đây là ngăn kế chấp”. Lại nữa, ngoại đạo kia kế chấp rằng: “Thức thứ bảy trong Tông của ông đáng lẽ được Năng chấp trì thân, thì đâu có lao nhọc gì đến Thức thứ tám”? Phải lập Lượng rằng: “Thức thứ bảy của tôi không thể chấp trì thân, vì không phải tánh Dị thực, như sáu loại Chuyển thức v.v... Lại nữa, ngoại đạo kia cho rằng, không phải một loại Thức mà có thể trì tất cả căn, mỗi mỗi Thức của tự nó có thể trì căn của tự nó. Bây giờ phải phá nó, Nhân thứ

tư ghi: “Lại nữa, sáu Thức thân mỗi mỗi đều nương riêng mà chuyển, cho đến là Nhân thứ tư”, trong đây có hai loại phá: một là nương vào kế chấp mà chánh phá, hai là theo khắp kế chấp mà vấn nạn. Nói rằng: “Như khi Nhân thức khởi, thì các Thức còn lại như Nhĩ v.v... không có căn của Thức thì liền phải tan hoại, là Tông; vì không có Thức năng trì, là Nhân; vì các Thức trong Tông của Tiểu thừa không cùng sinh, như tử thi, là Dụ”. Giả sử thừa nhận chấp thọ cũng không xứng lý, thì đoạn văn kế chấp này đuổi theo vấn nạn, nói: “Ngoại đạo kia kế chấp khi Nhân thức khởi, không chỉ có trì Nhân căn mà cũng có thể trì Nhĩ căn v.v...”. Luận này giả sử nói: “Nếu thừa nhận chấp thọ thì cũng không đúng lý, vì Thức xa lìa”. Luận này lập Lượng rằng: “Nhân thức chắc chắn là không thể trì Nhĩ v.v... các căn, là Tông; vì Thức xa lìa, là Nhân; như tám Thức của người khác không thể trì thân căn v.v... như tử thi v.v... là Dụ”. Lại nữa, có người hợp chung lại lập Lượng rằng: “Không có Thức thì các căn đáng lẽ không có chấp thọ, là Tông; vì Thức xa lìa, là Nhân; như tử thi, là Dụ”. Đã vấn nạn không có chấp thọ rồi thì đáng lẽ trở thành Phi tình nhiếp, lập Lượng rằng: “Không có Thức thì các căn đáng lẽ Phi tình nhiếp, là Tông; vì không có chấp thọ, là Nhân; như tử thi, là Dụ”. Lại nữa, Nhân v.v... các Thức khi khởi thì đáng lẽ thay đổi chấp thọ lẫn nhau, là Tông; vì Sở y khác nhau, là Nhân; cũng như Nhân v.v... khi khởi thì không nương các căn, là Dụ”. Lượng này có lỗi, vì chỗ lập Đồng dụ không thành, lỗi như chỗ kế chấp ở trước. Thân thức trì tự căn, như thế thì đáng lẽ thành lỗi số chấp, Nhân thứ năm đáng lẽ thành lỗi số chấp, văn đó có thể hiểu. Trong đây có Lượng, đã có chấp thọ và không chấp thọ, khi không chấp thọ thì đáng lẽ không phải hữu tình nhiếp, vì không có chấp thọ, như tử thi v.v... Lại nữa, có thể nói rằng sáu loại Chuyển thức đáng lẽ là Phi chấp thọ, vì tâm của ba tánh gián đoạn không phải là một loại, như hai loại âm thanh và lửa v.v... Câu này cũng có lỗi, do năm Nhân trên, sáu Thức chấp trì đã không đúng đạo lý, cho nên thừa nhận Thức thứ tám là Năng chấp trì thân. Văn tổng kết có thể hiểu.

Luận ghi: “Tại sao nếu không có A-lại-da thức cho đến Thức không đồng thời chuyển, thì Nhân thứ hai này không phải kiến lập Thức thứ tám, chỉ nương vào vấn nạn của ngoại đạo mà phá chấp của Tiểu thừa để kiến lập tự tông, trong đây có hai đoạn là hỏi và chánh giải thích. “Tại sao nếu không có v.v...”, đây là đoạn thứ nhất. Nếu căn cứ theo trước và sau mà giải thích thì đoạn văn này có chút ít trái nhau, tại sao vậy? Vả lại như văn trước, nếu có Chấp thọ thứ tám, thì chỗ y chỉ có

thể đắc, nếu không có Y chỉ thứ tám thì chấp thọ không thể đắc, hiện tại hoặc căn cứ theo giải thích phải nên nói: “Nếu có Thức thứ tám thì tối sơ sinh khởi có thể đắc, nếu không có Thức thứ tám thì tối sơ sinh khởi không thể đắc”, đó là nói liền sinh chỉ có tổng quát, phải nói: “Tiểu thừa không có Thức thứ tám, vì các Thức không đồng thời sinh”. Lý của Đại thừa thì nói: “Căn và Cảnh duyên đủ thì năm Thức đều khởi, bất cứ duyên nào mà một Thức tối sơ sinh khởi thì cũng đều có Thức thứ tám”, tức là thừa nhận các Thức đồng thời sinh, cho nên có Thức thứ tám, thì không có tối sơ sinh khởi là đúng đạo lý. “Ông đã không có Thức thứ tám, thì tối sơ sinh khởi là không đúng đạo lý”. Có thể thẳng vào đoạn văn, không thể căn cứ theo trước và sau mà hưng phát theo giải thích. Đây là đặt câu hỏi đã xong. Ngay trong chánh giải thích có hai đoạn: một là giả thiết ngoại đạo vấn nạn, hai là nương vào vấn nạn mà chánh giải thích. Vì trong Tiểu thừa các Thức đều sinh riêng, văn đó dễ hiểu. Trong câu đáp đó có ba đoạn, đoạn thứ nhất là đáp tổng quát để trình bày về giải thích nguyên do, đoạn thứ nhất và chỗ trình bày có thể hiểu, trong chánh giải thích của đoạn thứ ba ghi: “Cho phép có hai Thức đồng thời chuyển”, là các Thức trong Đại thừa cũng có khi sinh khởi riêng, các đoạn văn còn lại dễ hiểu. Trong đây phải nên lập Lượng rằng: “Ba duyên đầy đủ khi Nhân thức khởi, ba duyên đầy đủ thì các Nhĩ thức v.v... cũng phải hiện khởi, là Tông; vì ba duyên đầy đủ, là Nhân; như hiện khởi Nhân thức, là Dụ. Chỗ vấn nạn trước của ông e rằng Thức cùng sinh nhưng không thừa nhận Thức thứ tám là có, hiện tại trở thành các Thức cùng sinh, đã phải thừa nhận có Thức thứ tám, thì đây là giải thích ngược lại. Luận trong Nhân thứ ba, thứ nhất là hỏi v.v... như văn phán định ở trước, Nhân này cũng không phải chánh lập, Nhân của Thức thứ tám vì ngoại đạo mà giải thích nghĩa, khi vấn nạn thì ngoại đạo liền vấn nạn ngược lại, Nhân đặt làm vấn nạn chung, lập ngược lại Bản thức, nói: “Kế chấp Thức không đồng thời sinh của ngoại đạo và Tiểu thừa, là Ý khi duyên Sắc thì ở sau Nhân thức”. Bây giờ phá Thức này là “duyên sắc cảnh quá khứ đáng lẽ không rõ ràng”, phải nên lập Lượng rằng: “Sau Nhân thức v.v... thì Tán tâm ý thức duyên, tiếp theo là chỗ dẫn Cảnh của Nhân thức quá khứ v.v... không rõ ràng, là Tông”, câu nói này lựa riêng với Định tâm và Độc đầu ý kia. “Hiện tại duyên xa”, là hiện tại phá nghiêng về quá khứ và Ý thức gần, lựa riêng với Ý thức xa, vì Nhân là Bất định vị nhiếp duyên quá khứ, câu nói này cũng lựa riêng với Định tâm, như trong Tán tâm, duyên các sự của trăm ngàn kiếp quá khứ v.v... Phật cũng lựa riêng với Định tâm. “Lại nữa, vì

không rõ ràng, thì đáng lẽ là không rõ ràng, Tông nhân dụ như trước”, văn ý trong đây cũng giống như Đối Pháp sao.

Luận ghi: “Tại sao nếu không có A-lại-da thức mà có tánh Chủng tử, cho đến không đúng với đạo lý”, từ đây trở xuống không thể riêng phán định các đoạn văn đó, vì trong Tiểu thừa chấp có sáu Chuyển thức có thể trì giữ các Chủng tử đó, hiện tại lấy sự dị biệt của các tâm để làm thế nào mà trì các Chủng tử, phải nên lập Lượng rằng: “Sáu loại Chuyển thức không thể trì giữ Chủng tử, là Tông; Nhân là vì dần dần triển chuyển, cũng như cái trống v.v... phát ra âm thanh, là Dụ”. Lại nữa, nói: “Sáu Chuyển thức đáng lẽ không trì giữ Chủng tử, vì ba tánh gián đoạn”, các văn khác thì có thể biết.

Luận ghi: “Lại nữa, các Thức kia thời gian lâu dài gián đoạn, không nên tương tục thời gian lâu dài lưu chuyển”. Lại nữa, nếu ông chấp sáu Thức trì chủng, như khi nhập vào Vô định tâm, thì chính sáu Chuyển thức đó bị gián đoạn trong thời gian lâu dài, đã là không có Thức năng trì, thì đáng lẽ không có Chủng sở trì mà được lưu chuyển tương tục thời gian lâu dài không sinh diệt, phải nên lập Lượng rằng: “Nhập Vô tâm định thì Chủng tử đáng lẽ bị mất, là Tông; vì không có Thức để trì giữ, là Nhân; như nhập Vô dư Niết-bàn giới, là Dụ”. Lại nữa, phải lập Lượng rằng: “Khi nhập Diệt định thì sáu Thức gián đoạn trong thời gian lâu dài, điều này tức là Vô thức trì chủng, tức là Chủng tử đã mất, không nên có xuất Định tương tục mà lại được lưu chuyển thời gian lâu dài là dùng loại Chủng tánh nào!” Lại nữa, điều này lại lấy gì làm Thức để trì thân, vấn nạn phá không có Thức môn trì Chủng tử, kiêm gồm phá khi nhập Diệt định thì sáu Thức gián đoạn, không nên chính thân đó mà được lưu chuyển thời gian lâu dài, Chủng tử kia trải qua nhiều thời gian không có Thức trì giữ thì liền bị hư hoại, tương tục gọi là Thân. Nếu như thế thì cùng với chỗ phá Thức thứ bảy ở sau có khác gì? Đã như thế thì lấy Nhân thứ nhất và Nhân thứ hai tốt hơn.

Luận ghi: “Tại sao nếu không có các Thức đồng thời chuyển thì nghiệp dụng sai biệt không đúng đạo lý v.v...”, đây là Nhân thứ năm cũng không phải chánh lập Thức thứ tám mà phá đối với người khác, cũng nhân theo vấn nạn của người khác, giải thích lý do vấn nạn mà thành bốn thứ nghiệp dụng của Thức thứ tám:

1. Liễu biệt khí nghiệp, là thế giới khí vật bên ngoài.
2. Liễu biệt y nghiệp, tức là năm căn, Phù căn, năm Trần bên trong và Chủng tử bên trong.

Hai loại này là nghiệp dụng của Thức thứ tám, kinh Thắng Man

ghi: “Tự thân nuôi sống đầy đủ, một thời phân biệt nhanh chóng”, đây là nghiệp thứ nhất, vì Thức thứ tám chỉ có biến hiện, duyên từ Chủng tử sinh cho nên gọi là Biến hiện, vì là Cảnh của Thức thứ tám kia cho nên gọi là Duyên của kia. Nội y nghiệp của nó có đủ hai nghĩa: một là Biến hiện cho nên duyên, hai là Chấp cho nên duyên. Nghĩa Biến hiện cho nên duyên, như trên có thể biết. Nghĩa Chấp cho nên duyên, gọi là chúng sinh số.

3. Liễu biệt ngã nghiệp, tức là Mạt-na thường chấp Thức thứ tám lấy làm Ngã.

4. Liễu biệt cảnh nghiệp, là sáu Thức còn lại mỗi mỗi đều biết rõ Tự cảnh.

Ý trong đây, là Cảnh nghiệp thứ tư, khi một Thức khởi thì từng sát-na từng sát-na cả bốn nghiệp đều chuyển, không phải tất cả thời đều là Vô tâm hay muộn tuyệt v.v... và nhập Vô tâm định mà đều có đủ bốn nghiệp, chỉ có đủ ba nghiệp trước, như chỗ nói của kinh: “Nếu khi một Cảnh nghiệp khởi thì chắc chắn từng sát-na từng sát-na bốn nghiệp có thể đắc”. Nếu không có Thức thứ tám thì các Thức khác không được đồng thời sinh, nhưng mà bốn nghiệp này không thể một Thức một thời mà có nhanh chóng, lẽ nào không trái với kinh cho đến đạo lý, nếu Tiểu thừa tin đại giáo và trong một sát-na có bốn nghiệp này, thì có thể như các vấn nạn này.

Hỏi: Tông của người kia đã không tin kinh và không thừa nhận có bốn nghiệp, trong một sát-na mà hiển hiện có thể đắc, thì đắc cái gì mà khởi vấn nạn như vậy?

Đáp: Nhưng lấy đạo lý mà đuổi theo thì chắc chắn phải thừa nhận có bốn nghiệp này và niềm tin đại giáo mới được thành lập. “Lấy đạo lý đuổi theo”, là lập Duy thức tỷ lượng, nói: “Sắc v.v... các pháp đều không lìa Thức, là Tông; vì là Sở thức, là Nhân; cũng như đối với Thức, là Dụ”. Đã là các pháp của Sắc v.v... thì không lìa ngoài Thức, từ Thức mà hiển hiện, khi không có Thức thì cảnh này phải không có, lại như nhập Vô tâm định, hoặc chỉ có duyên cảnh của Niết-bàn v.v... thì lúc đó Sắc v.v... đã không có Thức năng duyên, thì Nhân căn v.v... và các khí vật bên ngoài liền đoạn dứt, phải nên lập Lượng rằng: “Khi nhập các vị của Vô tâm định, thì Nhân căn v.v... và khí vật bên ngoài v.v... liền phải đoạn dứt, là Tông; vì không có Thức, là Nhân; như Thức bị diệt, là Dụ. Lại nữa, khi duyên cảnh Niết-bàn v.v... thì các Nhân căn v.v... chắc chắn phải đoạn dứt, là Tông; vì Thể hay duyên Thức của tự nó không có, là Nhân; cũng như Nhân thức v.v... chưa sinh duyên, là Dụ”. Đây

tức là thành lập loại nghiệp thứ nhất và thứ hai là có, kế đó là thành lập nghiệp thứ ba, Nhị thừa chỉ nói có nghiệp Liễu ngã, không nói tất cả thời hằng khởi Liễu ngã, hiện tại phải lập Lượng rằng: “Chỗ khởi tâm thiện v.v... của Dị sinh, lúc đó chắc chắn có Ngã kiến, là Tông; vì đây là có chọn lựa, có thể phải suy nghĩ đó là Dị sinh, là Nhân; như khi khởi các vị Ngã kiến khác, là Dụ”. Nghĩa của ba loại nghiệp này đã thành lập, đối với tất cả thời chắc chắn phải hằng hữu, nếu khi cảnh nghiệp khởi, thì chắc chắn phải có bốn nghiệp, nếu không như vậy thì chỉ có ba nghiệp trước Liễu biệt cảnh nghiệp. Nhị thừa cùng thừa nhận nghĩa của ba nghiệp trước đã thành, trong nhất thời mà bốn nghiệp có thể đắc, đối với ba nghiệp trước tổng lập Lượng rằng: “Trong thân Dị sinh khi không có tâm nhiệm v.v... hiện tiền, thì chắc chắn có ba loại nghiệp trước, là Tông; vì là Dị sinh vị, là Nhân; như hai chỗ thừa nhận chung là khi ba loại Liễu biệt hiện tiền, là Dụ”. Vì nghĩa này cho nên biết, bốn nghiệp có thể biết được, lấy lý mà lập Duy thức trước Lượng. Lại nữa, có chỗ lập của ba Tạng ghi: “Vì Chân cho nên cực thành Sắc không là Nhân thức, là Tông; vì tự thừa nhận ba nhiếp đầu là chỗ không nhiếp của Nhân, là Nhân; cũng như Nhân thức, là Dụ”. Lập Lượng trước tuy có thể như vậy, lỗi chọn lựa chưa chu toàn, lỗi chọn lựa trong đây như Nhân Minh sao nói. Từ trên đến đây, tuy trở lại lý để phá trái với giáo, thì như thế nào mà cũng như trong Nhiếp luận, rộng lập Đại thừa đúng là lời Phật nói, đã tin Phật nói rồi thì có lỗi trái với giáo, không phải lúc chưa tin trở về trước mà có lỗi này, như Nhiếp luận nói, các lỗi này đều cùng với Hiện lượng trái nhau, lỗi như văn đã nói.

Luận: Trong giải thích Thân thọ thứ sáu, nói: “Như lý tư, cho đến quyết định có A-lại-da thức”, trong đây chánh luận Thức thứ tám là có, nói rằng như khi nhập Định thì năm Thức không hiện hành, chợt nghe âm thanh xúc chạm thì liền khởi lãnh thọ, như Xá-lợi-phất nghe tiếng sư tử hống, đã không có Nhĩ thức mà khởi lãnh thọ các âm thanh khác, tức là Thức thứ tám khởi lãnh thọ. Nếu không có Thức thứ tám thì nghĩa này làm sao thành? Hoặc trong Tiểu thừa không thừa nhận cảnh trong Định khởi thọ, phải lập Lượng rằng: “Cảnh trong nhập Định vị, khi xúc chạm đến thân thì phải khởi lãnh thọ, vì có Cảnh và Vị của Ý thức xúc chạm thân, như Tán tâm vị”. Nếu khi không thừa nhận thì phá ngược lại các Vị khác, nói: “Cảnh trong Tán tâm vị khi xúc chạm thân thì đáng lẽ không khởi thọ, là Tông; vì cảnh xúc chạm thân, là Nhân; như nhập Định vị, là Dụ”. Trong đây lại có vấn nạn và giải thích, không thể phiên thuật ra, sư Pháp nói: “Thân thọ tức là Khinh an, xúc chạm thân

mà khởi lãnh thọ”.

Luận ghi: “Như lý tư và Bất như lý tư có thể biết, hoặc Vô tư lự là Vô tâm định, hoặc nói Tầm tư là Hữu tâm định, ở tại Định hay không ở tại Định đều có thể biết”, ý này nói Thời và Cảnh của sáu vị này không phải một loại lãnh thọ, không phải một tâm không cùng sinh Ý duyên, đây là tùy theo một loại Cảnh, hoặc có âm thanh đến thì nói rằng không cùng sinh. Nếu không có Thức thứ tám thì làm sao lãnh thọ? Nếu có Thức thứ tám thì Thức thứ tám lãnh thọ, tuy nhập Định v.v... nhưng không có năm Thức nào khác, mà sự nhận thức thọ lãnh vẫn sinh. Nếu không có Thức thứ tám thì năm Thức này không nên khởi. Đó là ý trong đây.

Luận ghi: “Ở trong Vô tâm định, là không đúng đạo lý”, cho đến “không lia thân”, câu này có hai nghĩa: một là trái với Tỷ lượng, hai là trái với Thánh giáo. Trong các Bộ đã thừa nhận có hai Ý thức, một là thô, hai là tế. Ý thức tế thì Định này có, hiện tại trong luận này phá nó, như Tát-bà-đa bộ thì không lập nghĩa Tế thức, phải lập Lượng rằng: “Nhập Vô tâm định đáng lẽ cũng như xả mạng, là Tông; vì Thức lia thân, là Nhân; cũng như tử thi, là Dụ”. Luận trái với Thánh giáo, như vẫn có thể hiểu. Tát-bà-đa bộ cứu rằng: “Sáu Thức không lia thân”, Thức đặc bất ly, cho nên gọi là Thức không lia Thân, thì cũng đáng lẽ nói là Thức đặc bất ly thân, mà không gọi là Diệt tâm định, phải lập Lượng rằng: “Ông lập Diệt tâm định thì lẽ ra không phải là Diệt định, là Tông; vì Thức không lia, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ. Lại nữa, Vô tâm định của ông nhất định là có tâm, là Tông; vì có Thức, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ”, đây không phải là chánh bổ cứu của Tát-bà-đa bộ, Bộ đó chánh bổ cứu rằng: “Nhập Định tuy không có Thức, sau khi xuất Định thì Thức chắc chắn phải sinh”, là nói Thức không lia thân, phải lập Lượng rằng: “Ông lập Diệt tâm định thì nhất định là có tâm, là Tông; vì nói rằng Thức không lia thân, là Nhân; như Hữu tâm định, là Dụ”, là Bộ kia khởi quyết định trái nhau, nói: “Diệt tâm định v.v... quyết định không có tâm, vì tịch tĩnh cũng như Niết-bàn”, hiện tại cùng với Tác hữu pháp tự tướng có lỗi trái nhau, khiến cho nghĩa đó không thành, ông lập Diệt tâm định đáng lẽ không phải là Định, vì tịch tĩnh cho nên cũng như Niết-bàn. Nếu nói mạng căn v.v... tồn tại gọi là không hư hoại, thì nên phá mạng căn này nói: “Trước đã phá bốn tướng, bốn tướng nhất định không thật có, không phải hai Hiện lượng và Tỷ lượng biết được, như sừng thỏ v.v... lấy đây làm thí dụ để phá mạng căn kia. Từ trên đến đây phá Tát-bà-đa bộ đã xong, hoặc lập Hữu tâm thì phải

phá, Lượng rằng: “Vô tướng định v.v... của Ý thức trong các vị đáng lẽ không có, là Tông; vì trong vị này nội trong sáu Thức tùy một Thức mà nhiếp, là Nhân; như năm Thức v.v... là Dụ”. Lại nữa, nếu có Thức thì quyết định có Xúc, nếu có Xúc thì chắc chắn có Thọ và Tưởng. Như thế nào mà nói Định này có Thức? Lượng này đã thành thì chỗ chấp của Tiểu thừa đã phá xong, vì trái với kinh trái với lý mà thành Thức thứ tám. Lại nữa, như cội Vô sắc đáng lẽ có Diệt định v.v... hãy suy lường nó.

Luận: Trong giải thích Thức thứ tám, nói: “Khi lâm chung”, cho đến “không xứng với đạo lý”, như quyển thứ nhất, từ phần trên mà xả, từ phần dưới mà xả, đều đến tâm Xứ sau đó mới xả. Nói rằng: “Không phải Ý thức kia có khi không chuyển”, nếu Thức thứ tám chấp thông với thân phần, khi xả phần trên thì phần dưới chưa xả, có nghĩa chuyển và nghĩa không chuyển. Nếu nghĩa của Thức thứ sáu không hẳn như vậy vì duyên Cảnh khác, không phải có Xứ mà không khởi, không phải không thể chấp trì. Lại nữa, nếu Thức thứ tám duyên Cảnh vi tế, thì khi lâm chung sẽ duyên Cảnh không biết được; hoặc Thức thứ sáu duyên Cảnh hạnh thô, hoặc Thức thứ sáu có thể xả mạng và hạnh tương ứng với thô, vì không phải Ý thức kia có khi không chuyển, phải lập Lượng rằng: “Khi mạng chung thì Thức duyên cảnh có thể biết, vì là Thức thứ sáu, cũng như các vị khác đều không phải Ý thức mà có thể xả mạng”. Lượng rằng: “Ý thức không phải tâm xả thọ, vì Chuyển thức nhiếp, cũng như năm Thức”, cho nên biết nghĩa của Thức thứ tám được thành lập. Từ trên đến đây đáp có Nhân duyên thứ hai đã xong, từ đây trở xuống đáp nghĩa rộng phân biệt.

Luận ghi: “Lại nữa, Ôn-đà-nam”, là câu đáp thứ ba, từ đây trở xuống có hai câu đáp: một là lấy bốn nghĩa để kiến lập nghĩa Thức thứ tám rộng phân biệt; hai là kiến lập nghĩa Hoàn diệt của Thức thứ tám. Trong đó câu đáp thứ nhất nêu các bài tụng, kế đó là văn Trường hàng, trong văn Trường hàng có hai đoạn, đoạn thứ nhất khai làm hai môn, đoạn thứ hai là thứ tự giải thích, trong giải thích trước hết là giải thích Sở duyên.

Luận ghi: “Liễu biệt chấp thọ, là có thể phân biệt rõ ràng tự tánh của Biến kế sở chấp v.v...”, cho đến “Chấp thọ liễu biệt”, là Thức thứ sáu và thứ bảy đều khởi chấp, chỗ huân tập thành Chủng tử có thể nói là vọng chấp tập khí, năm Thức v.v... của nó tự huân Chủng tử, tuy không phải vọng chấp tập khí thì cũng là Thức thứ tám duyên. Trong đây tại sao không nói Thức thứ tám duyên? Y theo đoạn văn và văn dưới, thì tất

cả pháp Hữu lậu đều có chỗ tùy theo thô trọng, Chủng tử của năm Thức v.v... tuy không phải là vọng chấp tập khí, nhưng vì chỗ tùy theo của thô trọng cho nên chỉ gọi là Tập khí, chỗ duyên của Thức thứ tám, trong đây hàm chứa chung làm thành lời nói, gọi là Tập khí biến kế chấp. “Trực tiếp là Tập khí của Thức thứ sáu và Thức thứ bảy”, là năm Thức còn lại và Thức thứ tám không phải vọng chấp tập khí.

Hỏi: Các Hiện hành đều là chỗ tùy của thô trọng, đáng lẽ đều gọi là Tập khí. Nếu như thế thì câu nói “Thức thứ tám duyên tập khí”, thì nghĩa của nó nhiếp tất cả pháp, đâu cần gì khai mở ra hai Cảnh?

Đáp: Tập khí thông với hai loại, là Hiện hành và Chủng tử, trong đây phỏng theo Chủng tử gọi là Tập khí, không phỏng theo Hiện hành để làm luận, cho nên khai làm hai loại khác nhau.

Hỏi: Làm sao biết được Hiện hành cũng gọi là Tập khí?

Đáp: Như A-la-hán đồng hai chân vượt qua hầm hố gọi là Tập khí, đây là Hiện hành, cho nên biết là thông với hai loại. Nếu không như thế thì do có Chủng tử tập khí cho nên gọi là Tập khí, thì lẽ nào Tập khí tức là Hiện hành? Chủng tử trong luận này đều gọi là Tập khí, tức là năm Thức v.v... nói rằng xứng với Chủng tử đều gọi là Tập khí, các nghĩa khác đồng với trước. Lại nữa, trong giải thích này nói: “Biến kế tập khí”, là tất cả Chủng tử của Hữu lậu trong ba tánh đều gọi là Biến kế sở chấp, vì ba tánh tâm v.v... đều là chỗ phược của tướng phược, gọi là Biến kế, không phải cho rằng Biến kế đều là chỗ thành Chủng tử của hai chấp. Nếu như thế thì trong đây tại sao có câu nói Biến kế sở chấp? Ba tánh tâm v.v... không khởi chỗ chấp, nghĩa là trong đây thông với nghĩa trong văn của luận. Hàm chứa tức là Tập khí của Biến kế tự tánh. Biến kế sở chấp vọng chấp tự tánh tập khí, trước thì thông với Thiện chủng và Bất thiện chủng, sau thì chỉ có hai tâm chấp và Chủng tử. Lại nữa, sư Pháp giải thích rằng: “Hai nghĩa là nghĩa của hai sư ở Ấn Độ: một cho rằng: ba tánh tâm đều có Pháp chấp, tuy khi thiện tâm khởi, tức là văn này làm chứng, cho nên gọi là Biến kế sở chấp tập khí. Hai giải thích rằng: Tất cả tâm chủng của Hữu lậu thiện v.v... đều gọi là Biến kế sở chấp tập khí. Tập khí không phải Biến kế trong ba tánh, vì tâm Hữu lậu v.v... chắc chắn bị Lậu trói buộc, chính là tánh của thiện v.v... cũng gọi là Biến kế sở chấp. Nghĩa này không bằng nghĩa trước.

Hỏi: Chủng tử của vô lậu, không phải vọng chấp tập khí làm cảnh duyên của Thức thứ tám phải không? Có nghĩa duyên bị lược bỏ cho nên trong đây không nói. Lại nữa, nghĩa này không đúng, vì tâm yếu mà cảnh mạnh cho nên không được duyên, như văn Huân tập trong

Nhiếp luận không phải Sở duyên của A-lại-da, vẫn dựa vào Bản thức để làm chỗ mạnh thù thắng. Nếu như thế thì tại sao gọi là Duy thức? Hoặc phỏng theo Kiến phần vô lậu thì nghĩa này cũng thành, khi chưa thành Vô lậu, thì nghĩa này không nên gọi là Duy thức, như Nhiếp luận dựa vào Thức thứ tám kia, vì niệm đều tùy theo diệt cho nên cũng gọi là Duy thức, lấy sự duyên Cảnh của Thức thứ tám làm chỗ trói buộc của tướng phược, các Cảnh của Thức thứ tám đều là sự biến hiện gần gũi, nếu duyên Vô lậu tức là không phải tướng phược cho nên không duyên. Thức thứ tám mong Vô lậu chủng tử, tức là không phải Duy thức, như Nhân thức mong Cảnh của Thức thứ tám cũng không phải Duy thức, vì không phải Sở duyên biến hiện.

Hỏi: Nếu như thế thì khi Vô lậu huân tập, có huân vào A-lại-da thức hay không?

Đáp: Nếu huân thì tại sao không duyên!

Hỏi: Nếu được duyên, thì Thức thứ tám duyên Chủng tử, cũng như cõi Vô sắc, tức là làm duyên v.v... của Tự chứng phần, nếu duyên Vô lậu chủng tử thì lẽ nào duyên tự thể?

Đáp: Trong câu hỏi này y theo Bồ-tát Hộ Nguyệt giải thích, chính Chủng tử trong ba phần của Kiến phần đó làm Chủng tử của Tự chứng phần, tức là Thể của Kiến phần. Theo lý này cho nên tương ứng năm Tâm sở không duyên Chủng tử, dựa vào lý này cho nên sinh lên cõi Vô sắc thì Kiến phần của Thức thứ tám liền không có chỗ duyên, Kiến phần của Thức thứ tám trong cõi đó duyên Khí thế giới v.v... của cõi Dục và cõi Sắc, vì là Cộng nghiệp, cho nên tuy sinh lên cõi Vô sắc nhưng được duyên cõi dưới.

Hỏi: Tại sao Chủng tử không ở tại Tự chứng phần v.v... mà chỉ ở tại Kiến phần?

Đáp: Vì Tướng phần, Kiến phần và phần thứ tư trên Tự chứng phần mà kiến lập sai biệt, hiện tại vì Chủng tử là Sở duyên, cho nên trên Kiến phần mà lập, vì lấy Tự chứng phần làm Năng duyên cho nên không ở trên Tự chứng phần mà lập. Lại nữa, dựa theo Tập lượng chỉ lập ba phần, cho nên không ở tại phần thứ tư. Nếu lập bốn phần, vì không lia Tự chứng phần, đều là phần thứ ba, đều là sai biệt mà lập. Nếu ở tại cõi Vô sắc, thì cũng duyên Khí thế giới cõi dưới, tại sao văn này nói: “Nếu ở tại Vô sắc, thì chỉ có Tập khí liễu biệt chấp thọ”?

Đáp: Nói chung, đây là phỏng theo Tự chứng phần mà luận, không phỏng theo Kiến phần. Nếu phỏng theo Kiến phần, tức là duyên chung với Khí thế giới, cho nên lựa riêng ra cõi Vô sắc mà không duyên, chỉ ở

trong đoạn văn nội căn v.v... không ở trong đoạn văn ngoại khí, cho nên biết ngoại khí cũng được duyên. Nếu y theo Hộ Pháp thì lấy văn này làm chánh, ở tại cõi Vô sắc không duyên các Địa cõi dưới, các cõi trời buộc nghiệp khác nhau, cho nên Chủng tử của nó tức là phần trong Kiến phần làm Tướng phần, và Kiến phần duyên nó, năm Tâm sở nương vào Tướng phần này lấy làm Bản chất, trên đó mà biến hiện hình tướng Ảnh tượng, các Ảnh tượng này không phải thật dụng, cho nên không thể sinh ra thật căn của Nhân v.v... để khiến cho Thức nương vào đó. Nghĩa này cùng với nghĩa sau khác nhau, hoặc căn cứ theo nghĩa của Hộ Nguyệt thì chính Thức thứ tám của cõi Vô sắc cùng với Thức của các cõi dưới đồng nhau, vì duyên cảnh đồng nhau.

Hỏi: Nếu như thế tức là có nghiệp mà không bị thô tế làm hại, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nói rằng Kiến phần v.v... và tướng của Khí thế giới bên ngoài chắc chắn là nghiệp này chiêu cảm. Nghiệp này lúc nào tạo tác v.v... thì cũng có nhiều hại, Hoại thế giới trong Đối Pháp sao nói, rộng như luận này quyển 1 Biệt sao nói.

Hỏi: Chính nó duyên Biến hóa thân và năm căn hay không?

Đáp: Có người nói Ấn Độ có người tranh cãi là không phải chỉ có một, một thuyết giải thích là cũng biến hiện làm Cảnh môn nhiếp, vì không phải Nội căn môn nhiếp, trong luận này thì chỉ tổng nói duyên khí vật, không khác các đoạn văn sơ, cũng như Biệt sao nói.

Hỏi: Nếu lấy Thức thứ tám duyên Chủng tử, thì tại sao Chủng tử không thể sinh Thức để duyên thân căn khác? Các căn này tại sao không thể sinh Thức khác?

Đáp: Vì Ảnh tượng, do Chủng tử thân cận biến hiện cho nên không được làm ví dụ.

Hỏi: Như năm Căn bản thức tướng phần tha, y theo đó mà Thức thứ tám làm Ảnh tượng biến hiện, Chủng tử của nó đã là từ Tướng phần tha thứ tám thì cũng đáng lẽ phải biến hiện mà duyên?

Đáp: Khi căn pháp hiển hiện Ảnh tượng biến hiện, có thể làm thọ dụng thì lẫn nhau mà thấy v.v... Chủng tử vi tế thì không được duyên. Trong luận Trung Biên v.v... ghi: “Duyên tha thân”, cũng như trong giải đáp câu hỏi này.

Luận ghi: “Và Sở y xứ của các căn, Sở y xứ là”, tức là nhiếp bốn Đại tạo căn, bốn Đại của Phù căn và Phù căn trần. Hộ Nguyệt có hai loại năm căn:

1. Ý thức và Tương ứng biến.

2. Mạt-na Tương ứng biến.

Đó là vì Thức thứ bảy duyên Tướng phần của Thức thứ tám duyên Tướng phần làm Ngã sở.

Hỏi: Nếu như thế thì Thức thứ bảy đã duyên Tướng phần của Thức thứ tám lấy làm Ngã sở, tức là Thức thứ bảy gọi là Duyên của Vô lậu sai khiến hay sao?

Đáp: Vì duyên Tướng phần của Thức thứ tám làm Ngã sở, luận này giải thích chỉ duyên căn và Sở y v.v... mà làm Sở duyên, không phải Chứng tử, vì Chứng tử là nghĩa của chữ Phần trên tự thể, tức là Tự chứng phần duyên, không phải duyên của Vô lậu sai khiến. Thức thứ bảy tuy duyên Thức thứ tám mà dấy khởi Ngã, nhưng bị mê mờ đối với Tổng báo, mê mờ Hiện hành cho nên không duyên riêng công năng trên Hoàn diệt, cho nên không phải duyên của Vô lậu sai sử. Nếu như thế thì cũng duyên chỗ duyên khí giới bên ngoài của Thức thứ tám làm Sở duyên, thì đáng lẽ là duyên của các cõi trên sai khiến?

Đáp: Không phải như vậy. Thức thứ tám tuy duyên khí giới cõi trên, nhưng có gần và xa. Cõi Dục thì gần, là do nghiệp chiêu cảm; duyên cõi trên là xa, vì không do nghiệp chiêu cảm. Duyên Thức thứ bảy đã duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm chỗ chiêu cảm sinh khởi của nghiệp và chỗ duyên Tướng của Ngã. Tướng phần gần, là khí vật của cõi Dục, Ngã sở của nó thì cần phải tùy theo Ngã, Ngã đã bị trói buộc trong cõi Dục thì Ngã sở cũng phải như vậy, cho nên không phải Duyên của cõi khác sai khiến.

Hỏi: Khi Ý thức duyên Sắc của cõi trên, thì đây là Kiến phần. Cõi Dục trói buộc Thức thứ tám, đã duyên sắc tướng v.v... thì đáng lẽ bị cõi Dục trói buộc?

Đáp: Không phải như vậy, Thức thứ tám hàm chứa Chứng tử, Chứng tử của Thức thứ sáu không phải như vậy cho nên không làm thí dụ, vì có Chứng tử, vì biến hiện gần, cho nên Cảnh của Thức thứ tám không phải cõi Dục trói buộc. Thức thứ sáu v.v... không gọi là Chứng tử, vì là Ảnh tượng duyên cho nên tùy theo Kiến phần cõi Dục trói buộc. Lại nữa, theo Hộ Nguyệt giải thích, khi Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám thì không có Ngã sở, vì nói chung cho nên thật ra là không có. Sở biến năm căn của ba Bản thức, hiện tại chỉ có Sở biến, thật ra là nghiệp chiêu cảm, không phải là hai loại năm căn còn lại, hai loại này khi duyên bên trong thì chính là bốn Đại tạo âm thanh, tất cả thời đều có, thường duyên cõi âm thanh của nó, nghĩa thì nói có, thật ra là không có, tức là duyên Chứng tử và bốn Đại của âm thanh cho nên gọi là Duyên,

âm thanh không phải là âm thanh hiện hành tất cả thời đều có, trong đây phải có khi một Đại tăng trưởng, như Địa đại, Thân căn, Nhãn căn và bốn Trần trong Nhãn thức, tức là bảy vật có thể đắc, thì biết các vật còn lại không có vật nào không thể đắc, khi các vật đó tăng thì cũng nói là Duyên. Hộ Pháp chỉ có hai loại năm căn, là Sở biến của Thức thứ tám và Thức thứ sáu, Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám làm Ngã, Ngã đó tức là Ngã sở.

Hộ Nguyệt vấn nạn Hộ Pháp rằng: “Nếu cõi trên không duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới, thì tại sao tu hành sinh Thiên nhân là Thức thứ tám duyên?”

Đáp: Vì khí vật này không phải là Cảnh của Thức thứ tám cho nên không duyên, chỉ là chỗ hiện hành của Ý thức. Nếu như thế tâm không có và Cảnh không có Ý thức, thì không duyên Thức thứ tám này, cũng không duyên Nhãn thức của nó vì Nhãn thức cũng không có.

Hỏi: Nếu như thế, như năm Thức không phải Cảnh của Thức thứ tám, Ý thức không duyên năm Thức này thì lẽ nào không có Thức, là Kiến phần nắm lấy Sở duyên, căn này không phải Kiến phần thì làm sao được làm thí dụ? Cũng tùy theo Thức mà làm Kiến phần cho nên đồng với năm Thức?

Đáp: Duyên chưa hẳn cần phải là chỗ chiêu cảm của nghiệp, như cõi dưới trưởng dưỡng các căn v.v... thì Thức thứ tám cũng duyên Chủng tử của Chân như, tuy không phải nghiệp sinh Thức thứ tám nhưng cũng không hại đến Duyên.

Hỏi: Nếu như thế tại sao không thừa nhận khi Địa của cõi trên lia Địa của cõi dưới mà sinh, thì cũng duyên tướng khí vật bên ngoài?

Đáp: Vì Thức thứ tám của cõi dưới duyên Nhãn thức cõi trên. Dưới đây sẽ tự giải thích.

Luận ghi: “Đây là đối với cõi Sắc”, Hộ Nguyệt nói: “Nếu Thức thứ tám không duyên khí vật của cõi dưới, tại sao khí vật bên ngoài v.v...”, đoạn văn trước xen vào lựa riêng ghi: “Đây là đối với cõi Hữu sắc mà sinh, Vô sắc thì duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới”. Hộ Pháp nói: “Đây là lựa riêng với chấp thọ bên trong, nếu cõi Hữu sắc có Chủng tử, có căn và căn Sở y, thì cõi Vô sắc chỉ có Chủng tử, không có căn và Phù căn trần, tức là chấp thọ bên trong nửa có nửa không, cần phải lựa riêng Sắc căn. Trong chấp thọ bên ngoài, tất cả cõi Vô sắc đều không có, đâu cần phải lựa riêng, cho nên dưới đó có thí dụ tim đèn và sáp, nếu cõi Vô sắc có khí vật bên ngoài, thì đáng lẽ không có tim đèn bên trong mà có ánh sáng bên ngoài, cho nên biết là lựa ra riêng biệt,

không tùy theo ý của ông. Thức thứ tám đồng thời với chỗ biến hóa thân của năm Tâm sở. “Số chúng sinh không phải là Số chúng sinh”, mà tức là Số chúng sinh. Nếu như thế thì tại sao không phải Dị thực mà nói căn làm Sở y của năm Thức? Cũng đúng vậy, là vì chưa nương vào gốc mà sinh.

Luận ghi: “Lại nữa, A-lại-da thức cho đến Nhất vị liễu biệt mà chuyển”, trong đây Hộ Pháp làm chánh vấn vấn nạn Hộ Nguyệt rằng: Nếu duyên sinh tướng khí vật của ba cõi, tại sao trong đây chỉ nói từ chấp thọ ban đầu, cho đến mạng chung? Hộ Nguyệt đáp: Đây là chỉ phỏng theo một nội thân mà luận, nhưng nói khí vật bên ngoài không phải là căn cứ theo thật nghĩa.

Hỏi: Như xứ nghiệp này trở lại chiêu cảm xứ giới này, như ở cõi Dục chết rồi sinh lên cõi trên, tức là cõi này nghiệp dứt tận mà sinh, nếu chưa tận thì làm sao sinh lên cõi trên? Nếu đã tận thì làm sao sinh lên cõi trên? Do duyên khí vật bên ngoài của cõi dưới, hoặc sinh lên cõi trên do duyên khí vật bên ngoài này thì quả đáng lẽ vĩnh viễn không tận?

Đáp: Nếu thân của hữu tình và quả thọ dụng bên ngoài riêng khác, thì cần phải khi nghiệp tận thì quả tận, khi có nghiệp thì duyên quả riêng của khí vật bên ngoài, quả khí vật cộng tướng bên ngoài nó, chưa chắc cần phải nghiệp là một, vì có phương tiện, tất cả thời mặc tình tùy ý duyên khí vật kia làm cảnh giới.

Hỏi: Nếu như thế thì như các luận nói: “Khí vật bên ngoài của Đệ tứ thiên, tuy không bị ba Tai hoại diệt, nhưng tùy theo thân mà sinh diệt, chỗ tùy theo sinh diệt thì khí vật đã là Cộng tướng thì làm sao có khi, vì tất cả thời mặc tình tùy ý mà duyên, cho nên các Địa của cõi dưới, lý tuy đúng, nhưng căn cứ theo Tứ thiên, văn của luận có thuyết minh?

Đáp: Vả lại phỏng theo duyên thù thắng cho nên nói như vậy, chính khí vật bên ngoài này là các hữu tình cùng chung chiêu cảm, tuy có cộng nghiệp chiêu cảm mà nghiệp lực của một chúng sinh này tùy tăng theo, vì có thọ dụng riêng biệt duyên thù thắng, nếu thắng duyên này ở tại hữu tình khác thì tùy hữu tình đó mà được biến hiện. Nếu không có thắng duyên thì xứ này cũng diệt mất.

Hỏi: Nếu như thế thì một hữu tình này trở lại duyên chung với một hữu tình khác, cũng tùy theo thắng duyên mà nói diệt Sở biến của các hữu tình, thắng duyên đã tồn tại, mà hữu tình kia cũng phải duyên nó, lý đã bị vấn nạn phá hại, thì không thể nắm lấy nó. Lại nữa, như Địa ngục thì chắc chắn là ác nghiệp chiêu cảm, nếu sinh về trời người

thì nghiệp gì chiêu cảm? Nếu ở tại cõi Sắc cũng được duyên, thì tại sao thân của cõi Sắc do khởi Địa ngục và các Bất thiện nghiệp mà có thể chiêu cảm quả, cho nên có sự phá hại rất lớn, nếu vậy Bồ-tát Hộ Pháp đối với nghĩa này thì thế nào?

Đáp: Nếu ở tại cõi trên thì không duyên cõi dưới, lý đó không bị phá hại, nhưng trời người của cõi Dục lúc nào tạo nghiệp kia? Nếu nghiệp mà trời người chiêu cảm thì chắc chắn là thiện cảm, vì trời người không thọ sinh nghiệp kia. Nếu ác nghiệp chiêu cảm thì nhất định thọ sinh, vì tạo thêm Ác nghiệp khác v.v... Trong đây thì không có hại, như thấy phần uế mà gọi là thức ăn ngon, lý đó là như vậy. Đối Pháp sao ghi: “Lại nữa, nếu Thức thứ tám không duyên Sắc v.v... của cõi trên, thì như chính Thiên nhân thông đó, các Nhân căn v.v... này lẽ nào không phải là Thức thứ tám duyên? Đáp: Không duyên. Hỏi: Nếu như thế thì làm sao gọi là Duy thức? Đáp: Vì Chủng tử sinh cho nên gọi là Duy thức, không phải Sở duyên của Thức, như cảnh giới của Thức thứ sáu và Thức thứ bảy làm duyên v.v... lại cũng nói là Duyên. Hỏi: Nếu như thế thì tại sao không thừa nhận duyên cõi trên? Đáp: Nếu qua đến cõi kia thì duyên nào không thừa nhận không duyên cõi Sắc của nó trôi buộc Sắc, không phải Thức thứ tám duyên vì Kiến phần và Tướng phần trôi buộc riêng, nương vào đó mà làm môn, tự biến hiện mà làm Ảnh tượng”. Câu chuyện của Tỳ-kheo Mã Thắng nhập Tịnh độ v.v... đều giống như vậy, tùy theo đến chỗ thấy thì liền biến hiện, thuộc về Kiến phần trôi buộc, nhưng cõi Sắc thì cõi Sắc duyên.

Luận ghi: “Nên nói rằng duyên nhỏ hẹp trong cõi Dục chấp thọ cảnh v.v...”, đây là phỏng theo thân mà làm luận, vì hình lượng của thân thì nhỏ, cho nên gọi là nhỏ hẹp, có nghĩa là vì hình lượng của khí vật bên ngoài có lớn nhỏ v.v... như Tiểu thiên giới v.v... Ngay văn dưới có nói, vì mười tám cõi phần nhiều là nhỏ cho nên nói duyên lớn nhỏ. Cõi Vô sắc không có thân, thì lấy gì làm lớn nhỏ, mà nói các cõi là lớn nhỏ? Vì cõi Vô sắc duyên pháp xứ mà nói lớn nhỏ, nghĩa đó chưa giải thích, sư Pháp nói: “Tâm kia hoặc rộng hoặc hẹp, khi huân thành Chủng tử thì Thức thứ tám duyên Chủng tử này, Chủng tử từ hiện hành mà gọi là rộng hẹp v.v... không phải duyên Hiện hành”.

Hỏi: Nếu như thế thì được nói Thức thứ tám duyên cảnh Chủng tử của ba cõi?

Đáp: Không phải như vậy, phỏng theo công năng như cõi Dục thì gọi là nhỏ hẹp, chỗ sinh hiện hành của Chủng tử cũng nhỏ hẹp, như thế cho đến cõi Vô sắc cũng vậy. Hoặc cõi Dục và cõi Sắc, không nói khí

vật bên ngoài để làm luận, vì đồng thời duyên vô lượng khí giới bên ngoài.

Luận: Trong giải thích Thức thứ tám đồng thời với năm pháp, hỏi rằng: Thức thứ tám và năm pháp này làm Năng huân hay làm Sở huân? Đáp: Không phải hai thứ, vì không phải vua thì không có gì cùng với Năng huân tương ứng mà không phải Sở huân, vì không có Năng lực, không từ chỗ dẫn sinh của Gia hạnh tâm, cho nên không phải Năng huân. Nói về Năng huân, chắc chắn từ Gia hạnh tâm trước dẫn sinh thì có thể thành Năng huân, năm pháp này không phải là Năng huân.

Hỏi: Nếu như thế thì Dị thực xả thọ trong sáu Thức đáng lẽ đồng với các loại này, không phải là Năng huân và Sở huân?

Đáp: Thừa nhận nhưng không có lỗi, đây là nghĩa thù thắng. Lại nữa, năm pháp duyên Cảnh để làm Duyên, cảnh của Thức thứ tám là riêng làm Cảnh duyên.

Hỏi: Có lỗi gì nếu duyên cảnh của Bản chất? Tại sao gọi là không đồng nhất với hành tướng?

Đáp: Nếu duyên riêng, thì như năm căn đã là Bản thức v.v... Sở biến của sáu pháp là sáu căn hoặc năm căn mà Nhãn thức v.v... nương vào căn nào cũng đều có hại, như thật nghĩa là đồng thời duyên Cảnh của Thức thứ tám.

Hỏi: Nếu như thế thì làm sao giải thích Sở duyên đồng nhất?

Đáp: Không đồng nhất với hành tướng, tuy Cảnh không riêng biệt, nhưng kiến dụng mỗi mỗi đều khác. Thọ làm lãnh thọ, Tướng làm Sở duyên v.v... vì Kiến có riêng biệt. Nói không đồng với hành tướng, là cùng với Thức thứ bảy không đồng, ngoài ra bảy Thức đặc Tâm sở gọi là Cảnh duyên, cho nên Thức thứ bảy quán làm Ngã và Ngã sở, còn lại các chỗ khác sẽ giải thích. Điều này cùng với nghĩa của hai sư trước khác nhau, các Thức đó đều dựa vào Bản chất ảnh tượng mà biến hiện cảnh.

Luận: Trong giải thích khởi hai Duyên tánh, nói: “Lại nữa, do có A-lại-da cho nên được có Mạt-na v.v...”, là do Thức thứ tám làm Cảnh mà được khởi Kiến phần của Thức thứ bảy. Lại nữa, do Chủng tử trong Thức thứ tám mà Thức thứ bảy được dấy khởi, đủ hai nghĩa này cho nên khởi lên hai thuyết này.

Luận: Lại nữa, trong các Chuyển thức cùng với A-lại-da thức khởi lên hai Duyên tánh, nói: “Trong Hiện pháp trường dưỡng Chủng tử kia, là như y chỉ vào thiện bất thiện và Vô ký của A-lại-da thức, khi Chuyển thức chuyển biến thì như vậy như vậy đối với một Y chỉ đồng sinh đồng

diệt mà huân tập vào A-lại-da v.v...”, trong đây nếu các nhà huân tập Chủng tử đồng thời sinh diệt, thì lấy văn đó làm chánh. Nếu các nhà Dị thời thì đối với văn này ghi: “Đây là Thức hiện hành Năng huân, cùng với Thức thứ tám đồng sinh đồng diệt mà huân tập. Thức thứ tám không phải hiện hành cùng với Chủng tử đồng thời sinh diệt, trong đây có hai thuyết tranh cãi, có một luận gia cho rằng: “Bộ sách thứ nhất, quyển 5, trong Chủng tử có bảy nghĩa ghi: Nếu sinh Dị loại tức là niệm này sinh, nếu sinh Tự loại không phải tức là sát-na này, cho nên biết Hiện hành mong Chủng tử, Chủng tử mong Hiện hành, là Dị loại khác niệm mà sinh”.

Hỏi: Nếu như vậy tại sao Chủng tử có sáu nghĩa, nói rằng niệm niệm đồng thời diệt?

Đáp: Đây là chỉ phỏng theo đồng thời có sinh diệt, không phải đồng sinh đồng diệt ngay trong sát-na này.

Một luận gia khác cho rằng: “Chủng tử sinh Hiện hành, Hiện hành sinh Chủng tử, chắc chắn là đồng thời”, như nghĩa của Chủng tử và văn trong đây, như quyển thứ 5 v.v... Chủng tử có bảy nghĩa. Văn nói Tự loại, là tự loại của Chủng tử sinh Chủng tử, vì Tự loại sinh lẫn nhau, không phải ngay trong sát-na này. Nếu Chủng tử mong Hiện hành gọi là Dị loại, thì đó là ngay trong sát-na này. Lại nữa, Chủng tử cũ mong Chủng tử mới, cũng có Dị loại, vì ngay trong sát-na này. Hai giải thích này, văn không đồng.

Luận ghi: “A-lại-da thức cùng với các Thức đồng thời chuyển Chuyển tướng, là nếu cùng lúc chỉ cùng với một Chủng tử đồng thời chuyển, chỗ gọi là Mạt-na đồng thời chuyển, tại sao Mạt-na này v.v... cho đến hoặc Hữu tâm vị hoặc Vô tâm vị, thường cùng với Thức thứ tám đồng thời chuyển ý”, đây là cùng với Đối Pháp quyển 2 trái nhau, Đối Pháp ghi: “Lại nữa, Ý này là Biến hành, đồng thời với tất cả Thiện, Bất thiện và Vô ký, chỉ trừ Thánh đạo hiện hành”, hoặc ở trong Diệt định và Vô học vị cho nên luận này trái nhau, ngay đoạn văn này ghi: “Vô tâm và Hữu tâm đều trái nhau, tức là Diệt định Vô tâm Thánh đạo Vô học Hữu tâm còn hiện hành, vì có trái nhau. Y theo Ấn Độ có hai thuyết. Mạt-na chỉ có Nhân ngã, không có Pháp ngã, tức là giống như Đối Pháp, ba thời không hiện hành làm chính, nhưng trong luận này nói Hữu tâm Vô tâm, ba tánh vị đều có v.v... tức là trừ Diệt định ra, còn lại là Vô tâm vị, là Vô tâm, Thùy miên và Muộn tuyệt, nhập Vô tướng định, sinh Vô tướng thiên, không phải là trong Diệt định có. Hiện tại ba Thừa trong Quán vô lậu và Vô học thân đều nhập Nhân không quán,

Thức thứ bảy chỉ có Nhân ngã cho nên không hiện hành, Thức hữu lậu và Thức vô lậu có thể sinh. Hoặc Diệt định cũng có Thức thứ bảy trong tất cả thời mà luận là Ngã ý này

Hỏi: Tại sao Diệt định trong ba thời không có, nhưng mà nói thường cùng với Thức thứ bảy đồng thời chuyển?

Đáp: Đây là căn cứ theo trừ ba vị, còn lại tất cả vị đều không phải ba vị, cũng có vị gọi là đồng thời, văn dưới ghi: “Hữu tâm định và Vô tâm định tức là Vô tướng định, Hữu lậu định v.v...”, không phải Diệt định và Vô lậu định. Lại nữa, sư thứ hai giải thích rằng: “Ngay câu văn này làm chánh, Mạt-na tất cả thời thường có”. Nhưng Đối Pháp ghi: “Ba thời không hiện hành, cũng có nghĩa là vì Thức thứ bảy khởi hai loại Ngã, Nhân ngã và Pháp ngã, như Nhị thừa nhập ba vị của Quán vô lậu v.v... là Mạt-na Nhân chấp không hiện hành, hoặc Bồ-tát nhập pháp quán ba vị của Thánh đạo v.v... tức là Mạt-na Pháp chấp không hiện hành, trong hai thời này, không có thời Nhân chấp thì Pháp chấp còn, thời hai chấp không có thì Vô lậu Mạt-na sinh, hiện tại ngăn trách hai chấp của Hữu lậu cho nên nói không có, không phải không có Pháp chấp trong Nhân quán, không có Vô lậu trong hai Không quán.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao đoạn văn này hoặc cùng với một Thức đồng thời chuyển?

Đáp: Đây là đối với sáu câu nói còn lại, hoặc không phải chỉ có một câu này, không như thế thì lại thêm hai, ba câu v.v... không nhất định mà nói, hoặc không phải Mạt-na hữu thời, có vô thời cho nên không nói tâm.

Hỏi: Tại sao trong các quán Vô lậu v.v... không có Nhân chấp và Pháp chấp?

Đáp: Như Phật Địa luận, Đối Pháp luận quyển 2 v.v... đều có nói nguyên nhân.

Luận ghi: “Duyên A-lại-da lấy làm cảnh giới chấp Ngã, khởi Mạn, hành tướng tư lương v.v...”, căn cứ theo Ấn Độ có hai giải thích:

1. Sư Hộ Nguyệt giải thích, Thức thứ bảy chỉ có Kiến phần của Thức thứ tám tâm vương làm Ngã, Tướng phần làm Ngã sở, Chủng tử v.v... như trước đã nói. Theo văn này thì chỉ duyên Kiến phần cho nên chỉ có Ngã, không có Ngã sở v.v... Nhiếp luận ghi: “Ngã và Ngã sở, hoặc chỉ có Ngã không có Ngã sở”, các luận khác thì văn hơi thừa.

2. Sư Hộ Pháp giải thích, căn cứ theo đây mà biết, chỉ duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm Ngã, không duyên các Tướng phần làm Ngã sở”. Nhưng nói: “Ngã, Ngã sở v.v...”, tức là cho rằng Thức thứ

tám làm Ngã trong nhà Ngã, tức là Ngã sở, trong đó chỉ duyên Chứng tử không duyên các cõi khác, Vô lậu duyên sai khiến v.v... như trước đã giải thích.

Luận ghi: “Lại nữa, Ý thức nhiễm ô Mạt-na lấy làm y chỉ, khi nhiễm ô kia chưa diệt thì tướng Liễu biệt trói buộc không được giải thoát v.v...”, đoạn văn này trái với đoạn văn trước, vì có A-lại-da cho nên Mạt-na được có, văn thế khởi như cũ. Lại nữa, như trong Bản Địa phần, đồng thời y chỉ vào Ý, Mạt-na kia y tựa lẫn nhau mà dấy khởi vượt quá hành tướng, luận này thuyết minh điều đó, do có Mạt-na cho nên Thức thứ sáu khởi trói buộc lẫn nhau, là do Mạt-na kế chấp Thức thứ tám làm Ngã, thì Thức thứ sáu đối với Cảnh mà khởi Pháp chấp chấp Uẩn v.v... duyên Cảnh khởi trói buộc gọi là tướng phược, Thể của tướng phược tức là Sở duyên của sáu Trần, đều là Duyên. Lại nữa, do có Mạt-na này cho nên tám Thức duyên cảnh đều có trói buộc khởi, tức là các luận ghi: “Là tướng của cảnh giới có thể sinh trói buộc, duyên này là do Mạt-na Pháp chấp mà khởi hay là do Mạt-na Nhân chấp mà khởi? Nếu là Pháp chấp, thì Nhân không quán của Nhị thừa và Đại thừa đáng lẽ là Hữu lậu, vì phải chờ Sở y pháp chấp, hiện tại căn cứ theo đây mà biết có Mạt-na Nhân chấp. Thức thứ sáu v.v... khởi trói buộc, tại sao như vậy? Vì Nhân chấp này là tánh thể thô của Hoặc, khởi tướng phược của Tha thức. Pháp chấp thì không phải như vậy, cho nên không làm thí dụ, Pháp chấp này đều là lấy chỗ hành cảnh tướng vọng của Tự thức làm trói buộc. Lại nữa, Tha cảnh làm trói buộc, do Sở duyên của Mạt-na thuận với Thức thứ sáu năng y mà khởi trói buộc. Nếu duyên Vô lậu, thì Thức thứ bảy không thuận cho nên không bị duyên trói buộc vào Cảnh của Tự tha, văn lấy ý giải thích trói buộc cho nên dư thừa giải thích Phi tha. Đối với Tự cảnh khởi trói buộc, thì cũng duyên Tha cảnh mà khởi trói buộc. Lại nữa, như trong Bản Địa phần ghi: “Nghịệp của Ý thức, là biết rõ Sở duyên của Tự cảnh và Tự cộng tướng”. Người không hiểu Tha và Tự thì hiện tại lựa riêng ra?

Luận ghi: “Nếu trong Địa ngục cùng với chúng sinh thuần khổ không có tạp thọ đồng thời mà chuyển v.v...”, đây là căn cứ theo Du-già lấy lạc cực của Tam thiên chỉ ở tại Ý, Địa ngục khổ cực cũng chỉ ở tại Ý, hoặc Địa ngục cực đại trong Địa ngục chỉ có khổ thọ, như Cựu Nhiếp luận không có Lạc tương ứng. Lại nữa, nói: “Năm Thức thân địa của Bản Địa phần trước cùng với Lạc tương ứng”, không có văn này, hiện tại trong văn này chỉ có một thuyết là phỏng theo Chứng tử, văn trong các luận khác là “cũng được thành thực Lạc thọ”, nhưng có phần

nhiều là Khổ thọ, các Khổ như vậy, đây là căn cứ theo Khổ tăng không phải cho là có Lạc. Lại nữa, nói: “Lấy sinh tử làm Lạc”, không phải cho rằng Lạc thọ thì Khổ diệt mà gọi là Lạc, thật ra đều là Khổ thọ. Lại nữa, phỏng theo các Địa ngục nhẹ khác thì có hại gì? Gặp gió mà làm Đoạn thực thì cũng là Lạc tương ứng, đây là căn cứ theo Báo lạc không có hại. Lại nữa, Cựu Nhiếp luận tuy có, nhưng cũng ngược với ngọn mà y theo gốc, hiện tại trong Nhiếp luận không có văn này, hoặc Bản Địa phần như trước mà hiểu. Địa ngục v.v... là Quý, Súc có Khổ lạc, trước là Lạc nhiếp một phần có phước, hiện tại là Khổ nhiếp một phần không phước, cho nên nói “vân vân”. Như Hiền Dương quyển 17 thì không có chữ “vân vân” này. Tuy nhiên, căn cứ theo ba Thọ thì đều là Súc sinh v.v... mà nói là một phần, cho nên biết một phần còn lại tức là thuần Khổ. Hiền Dương quyển 10 phẩm Phá Khổ ghi: “Thuần lạc là chư Thiên, là không lựa riêng với Dục thiên, tức là ba Thọ”, đây là phỏng theo nẻo mà nói, tức là cõi trời có nhiều Lạc, cõi người thì chứa nhiều Khổ cho nên không nói.

Luận ghi: “A-lại-da thức hoặc trong một thời cùng với Chuyển thức tương ứng với thiện bất thiện và Vô ký tâm đồng thời mà chuyển”, các luận gia Ấn Độ làm luận năm Thức có hai thuyết, là có Thứ đệ duyên và không có Thứ đệ duyên:

1. Nghĩa của các nhà có Thứ đệ duyên, vì tâm chột hiện chỉ có một sát-na, tương tục chỉ ở tại Đăng lưu tâm, như Nhân thức duyên thiện mà khởi đến Đăng lưu tâm. Một loại là tự tương tục sinh, khởi sau Nhĩ thức, cho đến Đăng lưu, duyên bất thiện mà khởi tự loại tương tục, trước Nhân thức thiện chưa diệt thì Nhĩ bất thiện thức mới sinh, cho nên bao gồm Thức thứ tám, Vô ký và ba tánh đều khởi, cùng với trong năm Thức lại nắm lấy một Thức mà khởi Vô ký có thể biết, hoặc chính là Thức thứ bảy.

2. Nghĩa của các nhà không có Thứ đệ duyên, cho đến Đăng lưu năm Thức cũng không có. Tương tục có hai thuyết: một là trong Vô nhất niệm, ba tánh đều khởi, trong đây căn cứ theo Sự cứu cánh thì gọi là một sát-na, không phải trong một niệm mà ba tánh đều khởi. Hai là thuyết thứ hai này tức là như Nhân thiện thức khởi ở trên. Khi đến Đăng lưu tâm thì Nhĩ thức tâm chột hiện đầy khởi, cho đến Nhĩ bất thiện Đăng lưu tâm sinh, Nhân thức cũng sinh, đây là trong một thời mà gồm cả thiện và bất thiện.

Hỏi: Nếu năm Thức khởi thiện và ác, thì chắc chắn Ý thức dẫn sinh, như Nhĩ thức khởi Ý dẫn bất thiện sinh Nhân thức, không có Năng

dẫn thì đáng lẽ không khởi thiện?

Đáp: Ban đầu khởi thiện và ác thì chắc chắn do Ý dẫn sinh, nếu đã dẫn rồi thì không cần dẫn nữa, cho nên sau đó thì Nhân trở lại sinh thiện.

Hỏi: Nếu nói Cảnh bình đẳng, thì có thể Nhân thức và Nhĩ thức phải cách một hoặc hai sát-na mà liền khởi, nếu như vậy thì Nhân và Nhĩ không cùng sinh?

Đáp: Cần phải cách ba sát-na, vì loại của năm Thức đồng nhau, tuy đối với cảnh sinh tham ái vì loại của năm Thức đồng nhau, không nên cách một hoặc hai niệm mà liền sinh.

Hỏi: Lại nữa, nghĩa cách một, hai sát-na, cũng có khởi ác, nếu như thế thì liền không gồm cả ba tánh?

Đáp: Nếu có nghĩa này, thì khi Cảnh bình đẳng khởi tâm của ba tánh. Như trước đã nói.

Luận ghi: “Như vậy A-lại-da thức tuy cùng với Chuyển thức đồng thời mà chuyển, cũng cùng dung chứa chỗ đồng thời thọ thiện bất thiện và Vô ký mà chuyển”, đây là phỏng theo Thức trước Câu thọ, Câu tánh, Câu môn mà làm Hữu pháp, nhưng không nên nói cùng với Thức kia tương ứng mà làm pháp, tức là hợp chung làm Tông. Tại sao vậy? Vì không cùng với Thức đồng duyên chuyển biến. Dưới đây lập Nhân, như dưới Nhân thức nêu ra Đồng pháp dụ, để thuyết minh chỗ dung chứa câu nói lựa riêng nó, vì chính trong tên của Chuyển thức đã lựa riêng cho nên không nói dung chứa v.v... Có Thức thì nói là Dung thọ, vì tánh của Thọ đồng với ba Thọ, đều như Nhất tánh thời của năm Thức có hại gì cho ba Thọ? Đều là Ý thức phải dẫn sinh. Lại nữa, có hại gì hai tánh trong ba tánh? Mỗi mỗi đều thọ riêng, như Thứ đệ ở trước đã nói. Lại nữa, tâm của ba tánh còn không có một niệm nào khởi, huống chi là ba Thọ, như sự trước rất ráo thông suốt.

Hỏi: Lại nữa, ba tánh tuy đồng thời, đâu có hại gì chỉ có một Thọ mà không có ba Thọ đồng tánh?

Đáp: Ba tánh đã đồng thời sinh là chỗ dẫn của Ý thức, thì duyên gì mà ba Thọ không được đồng thời! Nếu ba tánh đồng thời thì làm sao mà không có ba Thọ!

Hỏi: Ba tánh, ba Thọ v.v... bắt đầu khởi, thì đều do Ý thức dẫn sinh, sau đó đồng sinh thì Ý thức đã duyên cảnh nào?

Đáp: Nếu Cảnh bình đẳng thì Thức và Cảnh đều duyên, nếu đối với Cảnh tăng thì tức là tùy theo mà quán Cảnh này. Câu hỏi tức là tùy theo Cảnh mà quán, như hiện tại tùy ý mà hiểu, nếu Cảnh bình đẳng thì

tổng quán các tâm ba tánh của Thức và Cảnh, không đồng với ba Thọ là tất cả nghĩa của Thức, thì Ý tùy theo tánh nào? Tâm tùy theo Thọ nào mà khởi, nếu tánh chỉ có Vô ký, thì không trái với ba tánh, nếu Thọ chỉ có Xả thọ thì không trái với ba Thọ, Bình đẳng và Vô ký của Xả thọ khởi phải chứng minh.

Hỏi: Nếu tùy theo Cảnh tăng mà duyên thì cũng duyên các cảnh khác phải không?

Đáp: Có duyên, nhưng chỉ tùy theo tánh tăng không đồng, các Cảnh tánh và Thọ còn lại, đều nói như trước.

Hỏi: Văn từ trên đến đây là giải thích chế phục các vấn nạn, nói: Trước đã nói Thức thứ tám tương ứng với Thọ, chỉ có Bất khổ, Bất lạc v.v... tại sao sau đó nói chỉ có Thức đồng thời chuyển, cho đến bảy Thức đồng thời chuyển?

Đáp: Vì ba tánh v.v... cùng sinh, hiện tại để làm cho thông điều này thì thông thứ nhất có hại.

Luận ghi: “Lại nữa, như các Tâm sở, tuy tánh của Tâm sở không có sai biệt nhưng tướng khác nhau”, cho đến “trong một thân đồng thời cùng chuyển, phải biết đáp đối qua lại cũng không trái nhau”, đây là chế phục vấn nạn, nói: “Tại sao như trong một thân, có các Thức đồng thời chuyển”? Phải nên lập Lượng rằng: “Thức thứ tám và các Thức nương trong một thân đồng thời chuyển qua lại không trái nhau, đây là Tông; Nhân nói rằng, vì tướng mỗi mỗi đều khác; Dự nói rằng, như một thân của các Tâm sở pháp đồng thời chuyển. Lại nữa, như đối với Bộc lưu có nhiều lượng sống đồng thời mà chuyển, qua lại lẫn nhau không trái nhau, cho đến có nhiều Chuyển thức đồng thời mà chuyển cũng không trái nhau”, đây là giải thích vấn nạn: “Như thế nào mà nương trên Thức thứ tám của một Hiện hành mà có các Thức cùng khởi”? Đây là căn cứ theo Thức thứ tám không phải một và khác, vì có Chứng tử, cho nên được có các Thức cùng sinh, bây giờ lập Lượng rằng: “Trên Thức thứ tám dung có các Thức cùng sinh, là Tông; vì không phải một và khác, là Nhân; Dự là như nước và sóng, như ảnh tượng trong gương”. Đạo lý nhân quả trong đây, nếu phỏng theo Dụng riêng biệt thì không được gọi là một, như tánh của Tâm sở, tuy không có sai biệt nhưng khác nhau. Nếu nói về Thể tánh, thì các lượng sống tuy nhiều, nhưng Thể chỉ có một là nước, thì Thức thứ sáu và Thức thứ tám không được nói là khác, Dụng của nhân và quả riêng khác thì không được nói là một, như một Chứng tử thì tự nó không làm thành nhân quả, cuối cùng là mong quá khứ v.v... mới thành”, Thể tức là một, tánh khác thì không thành

nhân quả, cho nên không được nói là khác, như nước thì không thể sinh lửa, vì là tánh khác. Hiện tại đạo lý này cũng vậy, như Nhiếp luận, các học trò của Vô Trước lấy sáu Thức v.v... làm Thể riêng, lại cũng có nghĩa tức là Nhất thể. Hai nghĩa này khác nhau, trong luận này thì nương vào Trung đạo mà nói, cả hai nghĩa đều thiên về Câu phi, cả hai nhà tông lấy đều là Thị. Lại nữa, như một Nhãn thức, trong một thời chỉ nắm lấy một Sự, một Cảnh v.v... đến văn sau giải thích. Từ trên đến đây thuyết minh Thức thứ sáu duyên Cảnh của tự và tha, nghĩa của giáo đốn và bất đốn, lấy Nhãn thức v.v... làm thí dụ, trong đây có Tông, Nhân và Dụ v.v... như văn có thể hiểu. Mạt-na lấy các môn phân riêng, như các chương nói về đức có thể hiểu. Duyên Thức thứ tám làm Ngã và Ngã sở, có hai thuyết:

1. Tức là duyên tâm vương làm Ngã, duyên Sở làm Ngã sở, đây không phải là nghĩa chánh, vì không duyên riêng biệt.
2. Tức là duyên thắng Ngã là Ngã kiến, làm Ngã trong nhà Ngã là Ngã sở kiến.

Hỏi: Làm sao được trong một niệm mà khởi hai tâm mà hiểu?

Đáp: Thức thứ sáu còn khởi tất cả Cảnh mà hiểu, Mạt-na thì đâu có hại gì! Nghĩa này là chánh. Lại nữa, duyên Kiến làm Ngã, duyên Tướng phần làm Sở, các chín số còn lại có văn luận tương ứng, hoặc chỉ cùng với mười chín số tương ứng v.v... Quả thứ ba lúc nào đoạn Thế gian đạo? Chế phục và không chế phục, như sư Tuấn giải thích trong chương Mạt-na (xem bản Sao cũ), chương này giải thích Mạt-na, lại cũng tức là giải thích văn trong “các Thức đồng thời chuyển” ở trước, văn kia chưa rõ, văn này quyết định lại. Văn kia chỉ ghi: “Hoặc cùng với Hữu tâm và Vô tâm”, không giải thích là Định địa hay là Bất định địa, vì không trái với thiện và bất thiện, cho nên bây giờ nói “quyết định lại”, tức là giải thích sáu Thức duyên tự và tha, vì văn ở trước cho nên luận ghi: “Lại nữa, chỗ nói ở trước”.

Luận ghi: “Cũng là hữu tình lẫn nhau khởi Căn bản tất cả hữu tình mong nhau làm Tăng thượng duyên v.v...”, trong đây các sư trình bày rằng: “Ấn Độ có hai thuyết: một là sư Pháp và Hộ Nguyệt nói: Thức thứ tám cũng biến hiện làm tha thân; hai là sư Hộ Pháp nói: Không phải như vậy, là Thức thứ tám làm hai loại biến hiện: Một là biến hiện căn v.v... khiến cho tự mình thấy các căn v.v... này, là nghiệp Bất cộng tướng chiêu cảm. Hai là cũng Cộng tướng chiêu cảm, khiến cho người khác thấy các căn này, gọi là Tăng thượng duyên. Hoặc Hộ Nguyệt nói: “Cũng biến hiện thành tha thân”, tha thân đó là Sở y của năm Căn thức,

cũng từ Chủng tử của tự thân mà sinh, thì Thức mà tha nương vào, đâu không phải là Sắc tự chủng tử khởi! Đáng lẽ là đồng với căn, lập Lượng rằng: “Nhân thức của tha thân, đáng lẽ từ Chủng tử của tự thân mà sinh Nhân căn của tha thân, vì trong Nhân thức tùy một Thức mà nhiếp, như Nhân căn của tha thân. Nếu tha thân là căn Sở y của Thức, thì tự thân không gần gũi mà sinh, thì cùng với Ngã có khác gì! Tha làm Tăng thượng duyên mà Thức thứ tám biến hiện, nhưng biến hiện làm tha thân thì đó tức là chỗ nhiếp của khí vật bên ngoài, không phải nương gá biến hiện Thật căn thức của tha, nương gá biến hiện Phù căn trần kia, thì Thức thứ sáu có thể chấp làm hữu tình v.v...”, trong đây có hai nghiệp, là Cộng nghiệp và Bất cộng nghiệp, nhưng trong Cộng nghiệp có hai loại, là Cộng trong Cộng và Cộng trong Bất cộng, như một thế giới khí vật bên ngoài, mà Tha cộng chung duyên để thọ dụng, gọi là Cộng trong cộng; như nương vào vật v.v... chỉ có chỗ thọ dụng của tự mình, tha tuy có nghĩa thọ dụng gọi là Cộng, nhưng nghiệp Thọ dụng của tự thù thắng hơn thì gọi là Bất cộng trong Cộng. Trong Bất cộng cũng có hai loại, một là Bất cộng trong Bất cộng, hai là Cộng trong Bất cộng, là như Nhân căn của tự, thì tha thức không nương vào, chỉ có tự thức nương vào, thì gọi là Bất cộng trong Bất cộng, Phù căn trần v.v... của nó, thì Bất cộng nghiệp của nó chiêu cảm, nhưng cũng là Thức thứ tám của tha biến hiện, tức là Cộng trong Bất cộng. Luận này giải thích các điều này thì lấy lý căn cứ theo văn, ngay tha thân là Cộng nghiệp trong Bất cộng nghiệp, nhưng trong Đại thừa thì dùng lý để khắc phục nó, đã từng hỏi rằng: “Như Sở biến của Nhân thức trong tự thân, cũng không phải là chỗ thấy của Ý, hưởng chi là người khác, thì như thế nào gọi là Cộng trong Cộng và Cộng trong Bất cộng”? Trình bày rằng: “Nhưng vì lý thì căn cứ theo không có Cộng, đều là Sở biến của Thức thứ tám của tự nó, người khác thì không được thọ dụng”, luận này căn cứ theo tương tự, như Nhân căn chỉ có nghĩa tự thọ dụng, còn tha thì không có, gọi là Bất cộng trong Bất cộng. Thế giới khí vật bên ngoài tuy là tự biến, nhưng không phải thọ dụng của người khác. Trong thọ dụng có nghĩa tương tự, là nói “cộng dụng” cho nên gọi là Cộng nghiệp, còn lại hai câu thì căn cứ theo đây mà giải thích, hiện tại luận này thì cũng là nghĩa biến thật căn của tha thân. Lại nữa, có người cho rằng: “Nghĩa của hai sư, sư thứ nhất là: biến hiện Thức thứ tám, là nương gá vào tha thân mà biến hiện. Sư thứ hai là: Nhân thức nương vào Sở biến của Thức thứ tám kia mà biến hiện trở lại”. Nếu như thế thì nghĩa nào sai, lẽ nào lấy Nhân thức nương trở lại nó mà nói là khác, những lý như vậy phải nhận thức

rõ ràng. Từ đây trở lên đã trình bày Căn bản tạp nhiễm, tiếp theo dưới đây là giải thích các vấn nạn, là nói Chung tử của Giải thoát phần v.v... trong A-lại-da là những Cộng đế nào v.v...

Hỏi: Tại sao tiếp theo dưới đây khởi nói văn này, trong đoạn tổng kết không có?

Đáp: Xem văn tổng kết dưới đây thì liền biết.

Luận ghi: “Lại nữa, chỗ nhiếp Chung tử thiện pháp của Thuận Giải thoát phần và Thuận quyết trạch phần v.v... trong A-lại-da thức”, trong đây sư Pháp nói: “Như người mới phát tâm thì khởi Văn tuệ v.v... đó là Giải thoát phần; từ ba loại của Ngũ đình tâm quán trong bảy Phương tiện gọi là Tùy thuận quyết trạch phần, là Gia hạnh của các nhà Thuận quyết trạch phần, Noãn v.v... bốn Phương tiện gọi là Quyết Trạch phần. Luận này giải thích rằng: “Ba loại Gia hạnh trong Ngũ đình tâm chính là Thể của Giải thoát phần, đều ở trước Quyết Trạch phần, gọi là Tùy thuận quyết trạch phần. Giải thoát phần của nó cũng vậy, từ Văn tuệ trở đi gọi là Giải thoát phần, trở về trước thì thọ trì mười hai Bộ kinh v.v... vì là Sinh đắc thiện, là Gia hạnh của Giải thoát phần kia, Thể không phải là Giải thoát phần, Giải thoát phần thông với chín Địa trói buộc, dưới đây tự có văn giải thích. Sư Pháp trong Quyết Trạch phần ghi: “Thông với bảy Địa, là bốn Địa của cõi Sắc và ba Địa của cõi Vô sắc”. Nếu như thế thì tại sao văn dưới trong sáu Hiện quán nói rằng ba Y và năm Y sinh khởi? Do đó biết rằng Quyết Trạch phần là năm Địa trói buộc trong cõi Dục và cõi Sắc, vì ba Phương tiện trước là Quyết Trạch phần. Ngũ đình tâm quán v.v... nếu là Tấn tâm, thì tức là cõi Dục trói buộc, cho nên thông với bảy Địa. Noãn v.v... bốn Thiện căn chỉ ở tại cõi Sắc, ba Y và năm Y cũng không trái nhau.

“Định trong đây không phải là Nhân v.v... của Tập đế”, như Đối Pháp sao quyển 3, trong giải thích Quyết Trạch phần nói Ấn Độ có ba thuyết: Thắng Quân nói: “Thiện căn của giải thoát này, Thể là Hữu lậu, thuộc Thiện phương tiện nhiếp, hiện tại Chung tử của phước phần thiện tăng trưởng chiêu cảm quả Dị thực thì phước phần thiện nghiệp kia như duyên mà khởi. Nếu do Dị sinh và Phóng dật v.v... là ba loại Vô minh, chỗ phát Bất phóng dật thì phải biết duyên với Minh mà sinh, tôi nói không phải Vô minh làm duyên mà chiêu cảm đắc quả Khả ái, đến Giải thoát phần v.v... thì tùy thuận Vô lậu, chính là không thể chiêu cảm Tổng báo khổ quả của sinh tử. Nói không phải Tập đế, không phải không chiêu cảm quả riêng. Như Hộ Nguyệt và sư Pháp v.v... tức là do sức Chung tử của Vô lậu khiến cho hiện hành hai thiện pháp Phương

tiên Hữu lậu và phước phần thiện căn tăng trưởng, đều như sư Pháp trong Đối Pháp sao giải thích, có thể đoạn Đạo đế v.v...

Luận ghi: “Ngoài ra tất cả thiện căn trong thế gian nhân theo đây mà sinh cho nên chuyển lại sáng tỏ nhiều hơn, sáng tỏ do Quyết Trạch phần v.v... khiến cho phước phần thiện hiện hành chuyển sáng tỏ lại, vì tập quen Gia hạnh thiện, thông đạt nhân quả cho nên sáng tỏ. Hoặc Hộ Nguyệt v.v... cũng khiến cho Gia hạnh hữu lậu thiện và phước phần v.v... sáng tỏ, do nhân duyên này mà chỗ nhiếp thọ kia v.v...” cho đến “nhanh chóng được thành lập”, trong đây là do Giải thoát phần v.v... làm Nhân duyên, khiến cho Chủng tử của phước phần thiện của thế gian gọi là Chủng tử vô ký chuyển biến có công năng, Chủng tử của thiện nghiệp chuyển biến có thế lực, Chủng tử thiện căn của Tự giải thoát phần nhanh chóng được thành lập. Thành lập, là có thể tăng thêm sự sinh quả thù thắng, cũng tức là khiến cho Chủng tử của phước phần thiện được thành lập trực tiếp. Trong đây thông với Chủng tử mới huân tập vốn có hai nghĩa. “Lại do Chủng tử này, các thiện pháp kia chuyển biến thì sự sáng tỏ phát sinh”, là có thể do Chủng tử của Giải thoát phần v.v... cũng tự hiện hành thiện pháp chuyển biến mà sự sáng tỏ phát sinh, cũng tức là phước phần thiện hiện hành.

Hỏi: Nếu như thế thì cùng với sự chuyển biến sáng tỏ trở lại ở trước có khác gì?

Đáp: Càng thù thắng hơn trước, vì niệm niệm tăng thêm.

Lại nữa, từ câu “chiêu cảm tương lai” trở xuống, là chánh thuyết minh nghĩa của phước phần thiện nghiệp, không phải thiện của Giải thoát phần v.v... nhưng không phải chiêu cảm Biệt báo. Trong đây các sư Pháp thì nói đều là Chủng tử của phước phần thiện, sư Bị giải thích như trước.

Lại nữa, từ câu “nương vào tất cả Chủng tử A-lại-da này” trở xuống, giải thích vấn nạn của ngoại đạo, là trước đã nói: “Tập nhiễm vốn nhiếp các Chủng tử, thì làm sao có hai loại”, cho nên dẫn kinh làm chứng. Thí dụ Ác-xoa tụ, tức là loài cây tương tự như Vô thực tử.

Luận: Trong giải thích Tu tập tác ý ghi: “Nếu các Dị sinh lấy duyên Chuyển thức làm Cảnh”, cho đến “thô trọng bên trong là chỗ trói buộc của phước”, trong đây giải thích tràn lan mà không nói là nhập Kiến đạo của Độc giác, cho nên lược bỏ không luận. Lại nữa, vì Quán hạnh đồng nhau, chỉ đoạn trừ tương tự Nhân chấp, hoặc nói Thanh văn rồi nói Độc giác. Trong đây nói: “Duyên theo Chuyển thức mà làm Cảnh, trái với văn của Nhiếp luận, văn đó ghi: “Bồ-tát mới học, thì

phải trước hết học Nhân duyên như thật”. Nhân duyên Như thật tức là A-lại-da thức, cho nên trái nhau. Một giải thích rằng: “Thật ra, Bồ-tát Địa tiền khởi Duy thức của A-lại-da”, cũng như Nhiếp luận nói, nhưng thông với trước Kiến đạo hạnh của ba Thừa cho nên gọi là Duy quán chuyển thức. Trong Chuyển thức có Tạp nhiễm cho nên có thể duyên nó, không phải Bồ-tát không duyên Thức thứ tám, cũng đều là duyên Thức thứ tám mà khởi Duy thức, nhưng sau khi đã nhập Kiến đế rồi thì liền duyên Bản chất Thức thứ tám; hoặc có thể khởi Duy thức quán, đây là phỏng theo Hậu đắc trí; hoặc chưa nhập Kiến đế mà duyên Bản chất thì không bằng không có Hậu đắc trí, vì duyên tự ảnh tượng của Thức thứ sáu mà gọi là duyên Chuyển thức, không phải cho rằng trong Bản chất không duyên Thức thứ tám. Nhiếp luận phỏng theo Bản chất, đây là gián tiếp phỏng theo Ảnh tượng mà nói không có lỗi. Các hàng Thanh văn, tương tự song quán của Bồ-tát, sau khi nhập Kiến đế trở đi, thì Hậu đắc trí mới khởi, mới thật sự là duyên A-lại-da, nếu không như vậy thì không duyên. Nếu trước đó không duyên Thức thứ tám, thì sau đó làm sao mà duyên được!

Hỏi: Làm thế nào mà Thanh văn cũng khởi được quán này?

Đáp: Nếu căn của Thanh văn bất định đã thành thực, thì phải được nhập Kiến đế rồi mới tiến đến Đại thừa, tức là có thể khởi được quán này, được có căn đó, thì đó là người chưa thành thực quyết định, nhập Kiến đạo thì không như vậy. Văn này phỏng theo căn đã thành thực quyết định mà nói. Lại nữa, phỏng theo Thể của Chủng tử mà nói, là ba Thừa đều đoạn tất cả Tập đế và Khổ đế, nếu có một pháp nào chưa đạt thì chưa biết thiên về nó, thì “Ngã” cuối cùng không nói là đắc Lộ tận, đã đắc Đế quán rồi thì ba Thừa đồng quán, hoặc phỏng theo Danh thì tùy theo nghĩa mà khác nhau, đó là người khởi duyên chỉ có hai quán song song. Bồ-tát có hai Ngã, đó là Nhiếp luận phỏng theo Thể, luận này cũng vậy, cho nên có tất cả Ngã thì đều thông đạt hết, nếu phỏng theo nghĩa trong Danh mà tùy thuận thì không có hai Ngã, vì chỉ quán Nhân và Ngã, cho nên trừ tất cả Phiền não chướng, Bồ-tát song song trừ hai Ngã mà quán riêng biệt, như trước đã nói về quán, thông đạt A-lại-da như trước đã nói không khác nhau. Lại nữa, chánh giải thích là Bồ-tát có thể biết Thức thứ tám, không phải người Nhị thừa. Người Nhị thừa trong đây là Kiến đạo, nương vào duyên Chuyển thức mà quán, sau đó thì nhập Kiến đế, biết rõ tất cả sự Tạp nhiễm và các sự triền phược v.v... đó là thật duyên của Bồ-tát Địa tiền. Thức thứ tám chưa duyên nhiễm ô cho nên gọi là duyên Chuyển thức, sau đó nhập kiến Đế duyên A-lại-

da, A-lại-da không phải Nhị thừa duyên được.

Trong Kiến lập chuyển y, luận ghi: “Lược bỏ các hạnh đó”, cho đến “một cụm một tụ”, đây là Gia hạnh đạo, như Vô lậu của Bồ-tát trong Hiền Dượng luận nói: “Nhị thừa cũng vậy, là một tụ đầy khởi”, cho đến “mà đặc Chuyển y”, đây là Vô gián đạo. “Chuyển y vô gián” trở xuống cho đến “phải nói là đã đoạn”, hiểu rõ tất cả Tạp nhiễm gọi là Đạo. Đoạn hoặc trong đây vốn có Chủng tử, Chủng tử sinh hiện hành khác thời. Như Bồ-tát Hộ Pháp nói: “Hiện tại đồng thời thù thắng mà sinh, Đoạn thời này cũng vậy, hoặc quả của Vô gián đạo đã mất, hoặc quả của Giải thoát đạo đã tận, phân biệt như thường”, đây là nói Chuyển y có ba loại:

1. Tâm chuyển y, là Chân như chuyển thành Sở y.

2. Đạo chuyển, tức là Vô phân biệt trí, đây là Năng chuyển.

3. Diệt tánh, tức là Trạch diệt vô vi, điều này các luận gọi là Trạch diệt.

“Do Trí năng duyên có thể đoạn Hoặc, duyên Chân như diệt Sở đắc mà kiến lập, không phải thật pháp” trở xuống, là giải thích vấn nạn, mỗi mỗi sự sinh khởi đều có thể hiểu. Có nắm lấy Thọ tánh tức là lấy Cộng quả. “Lại nữa, tức là Tham chuyển y, đối với ba tánh tự tại”, là đặc Chuyển y rồi mà thủ hoặc xả ba tánh, pháp được tự tại, nếu không như thế thì thủ hoặc xả đều không được tự tại. “Trong Diệt tướng của Thức thứ tám, thân đó tuy trụ, nhưng cũng như biến hóa”, tức là lực của nghiệp phiền não đã đoạn, Thức thứ tám đáng lẽ không có, do có thể lực của phần khác mà có Uẩn vô phú vô ký tồn tại, giống như sự biến hóa tương tự, không phải chỗ khởi của nghiệp phiền não. Lại nữa, đây là phỏng theo câu nói “hồi tâm hướng Đại thừa”, là vì nguyện thông với lực, khiến cho trụ trăm ngàn kiếp, trụ mạng này tức là do nguyện thông với lực mà sinh, như sự biến hóa cũng lấy sự thông biến hóa với lực mà sinh. Nếu là Phật thì không phải như vậy.

Trong bốn câu A-lại-da, điều này như Đối Pháp luận quyển 2 ghi: “A-lại-da, là hay nhiếp tàng Chủng tử của các pháp”. Lại nữa, chư hữu tình lấy đó làm Ngã, tức là chỗ nắm lấy của Ngã ái gọi là A-lại-da. Luận này thì lấy nghĩa sau, cho nên Địa thứ tám v.v... xả Danh mà không xả Thể. Trong câu riêng thứ nhất, nói: “Diệt định”, là người của quả thứ ba, không phải quả nào khác, ngoài ra là làm thành câu thứ tư. Hoặc trong Niệm sinh tử, các nhà chủ trương Vô ý thức vấn nạn rằng: “Tại sao trong đây không luận về sinh tử Uẩn”? Tức là trong Muộn tuyệt nhiếp. Trong câu riêng thứ hai có ba vị:

1. Thô hiện thì Ái tận, xả bỏ Danh, không phải Pháp chấp vi tế, là người Nhị thừa.

2. Vĩnh viễn chế phục Hiện hành, nhập Địa thứ tám trở đi, hiện hành nhân ái vĩnh viễn chế phục, không khởi Phi pháp ái, đây không phải là Hoặc giữ lại, vì khởi pháp Không.

3. Song song trừ hai chấp nhân và pháp của Tập khí thô và tế, là Địa thứ tám của Như Lai trở đi.

Trong đây gọi là Bất Thoái, vì chưa đắc Bất Thoái, quyết định hằng tăng tấn thiện pháp, Sơ địa gọi là Bất Thoái, gọi là đã đắc Bất Thoái vì không phải lúc không đắc mà có khởi Phiền não và tâm Hữu lậu v.v... Tên của Chuyển thức thông với Lậu và Vô lậu đều được; tên của A-lại-da thì hẹp, chỉ đến Nhị thừa hữu học và Đại thừa Địa thứ tám; tên của Di thực thức thì rộng, cho đến Đại thừa Kim cương, Nhị thừa vô học, hoặc nhập Vô dư giới. Trong câu thứ tư “Nhị thừa tất cánh Như Lai hiển thị tướng”, thông với Diệt định v.v... luận ghi: “Và Như Lai v.v...”, không phải Bất Thoái Bồ-tát; “Và Như Lai thật ra cũng nhập Vô dư y Niết-bàn”, đây là phỏng theo sáu Chuyển thức, không phỏng theo Chuyển thức thứ bảy, cũng là Yêm-mạt-la thức, luận này thì gọi là Vô cấu thức, chỉ ở tại Phật quả, tức là tên gọi khác của Thức thứ tám, đây là luận về Bản Địa trong hai Địa trước Quyết Trạch phần. Trong “nguyên nhân kiến lập tự tánh của sáu Thức” nói: “Lại nữa, một thức loại dựa vào tự tánh chủng chủng sai biệt của các duyên kia mà sinh khởi”, trong đây, học trò của sư Vô Trước giải thích tám Thể tuy khác nhau, là một Thức lưu loại nương vào duyên mỗi mỗi đều riêng khác, tùy theo đó mà lập danh. Hoặc như Nhiếp luận khác với học trò của Vô Trước, nói: “Thể của tám loại là một, Thức nương vào căn riêng biệt mà lập thành tám tên”. Thể của nó không khác nhau, tức là lấy văn này làm chứng.

Luận: Trong giải thích Thức thân biết khắp, nói: “Có dịch bệnh, có hoạn họa, có tai nạn, có phiền não”, điều này như sư Pháp nói: “Ba loại đầu là ba hại, một loại sau là tâm ưu khổ. Lại nữa, ba loại đầu là ba tội, một loại sau là tâm ưu khổ”, luận này thì lại khác, tức là lấy bốn tướng thứ tự phối hợp với nó. Lại nữa, loại thứ nhất là ba hại, ba loại sau là ba tội. Lại nữa, ba loại đầu là ba hại, ba loại sau là ba tội.

Luận ghi: “Phải phân rõ tâm Thiện xảo sai biệt và Chuyển thiện xảo sai biệt v.v...”, cho đến “phải biết Chuyển thiện xảo sai biệt, quán Biến kế sở chấp không có quá khứ không có vị lai, tự tánh là Niết-bàn, duyên chứng không có thời gian, chứng tánh tâm của pháp Chân như, có thể như thật mà biết, gọi là Thiện xảo; không phải Y tha khởi cho

nên gọi là Sai biệt”, duyên tâm của ba tánh, đây là nương vào tha pháp mà không phải Vô pháp, quán biết đó là tâm nương vào Tha mà khởi, gọi là tâm Chuyển; có thể như thật biết, là không sinh Biến kế chấp gọi là Thiện xảo; khác với quán trước gọi là Sai biệt. Lại nữa, giải thích Duyên nương vào tha mà khởi pháp, không phải Hữu và Tợ hữu; chữ Chuyển có nghĩa là Diệt chứng Chân như. Tâm diệt nương vào tha mà khởi Biến kế sở chấp, tánh thể là Vô pháp; quán chỉ có tâm, chỗ chấp không thể đoạn, không chứng Chân như, chỉ gọi là tâm Thiện xảo.

Luận: Trong giải thích An lạc của hai quả thắng lợi, nói: “Đắc Bồ-đề lạc, đối với Nhân tự tại”, là khiến cho tâm thuộc về mình, không để cho phóng dật, cũng tức là do tâm huân tập tu hành trước, đối với Quả thời đắc cứu cánh, An lạc trong nhân, đối trị ba tánh một cách tự tại.

Luận: Trong giải thích Niệm trụ chỉ có quán tâm, đây là chỉ đoạn các tâm Lạc, Tịnh, Thường và Ngã, đối với Cảnh pháp mà khởi thật bất tịnh v.v... Có người cho rằng: “Quán tâm niệm trụ đắc Cảnh”, trong đây trước đã nói Thức thân biết khắp, luận này nói chỉ nên đối với tâm dũng mãnh thiện thâm sâu, cho nên có văn vấn nạn này. bốn Đảo như Thức thứ tám ở trước ghi: “Đối với Giới thủ là Lạc đảo, Kiến thủ là Tịnh đảo, phần ít Biên kiến là Thường đảo, Ngã kiến là Ngã đảo”. Hiển Dương luận ghi: “Bốn Đảo đều là tâm đảo của Tướng và Kiến, cho nên đều vì trừ diệt bốn Đảo này, do đó ba loại trụ sáu Chánh hạnh”, Giải thoát trụ tức là Bồ-đề giải thoát môn của ba Thừa, Trụ tức là Không, Vô nguyện, Vô tướng và Giải thoát môn, như Hiển Dương luận quyển 2. Hoặc nói: “Không, Vô nguyện v.v...” mà không nói “Tu v.v...”, tức là thông với ba Tuệ Văn tư tu, thông với Lộ và Vô lộ. Hoặc nói: “Tam-ma-địa của Không, Vô nguyện v.v...”, tức là chỗ sinh Tuệ của Tu, thông với Lộ và Vô lộ. Hoặc “Giải thoát môn của Không, Vô nguyện v.v...”, tức là chỉ có Tu tuệ Vô lộ. Ba Giải thoát môn của luận này thì chỉ nhập Kiến đế Vô lộ, cho nên trong sáu Chánh hạnh sau đây nhiếp nhau, Kiến đạo và Tu đạo thì nhiếp các hạnh này, có thể dẫn các pháp của Giải thoát môn dừng trụ, tức là bảy Phương tiện nhập Kiến đạo ở trước. Lại nữa, Giải thoát trụ trụ tại Niết-bàn, thì Diệt đế là Giải thoát môn trụ, tức là Đạo đế và Niết-bàn, nương vào đó mà được hiển hiện cho nên gọi là môn. Có thể dẫn các pháp của Giải thoát môn dừng trụ, tức là ba Tuệ hữu lộ của Địa tiền dẫn sinh Trung đạo Diệt đế của Kiến đế. Vô gián hạnh trong sáu Chánh hạnh, là Văn tuệ, Thiện thọ, Tư duy và Tư tuệ tu chỗ dẫn Thiện căn, phát khởi Tu tuệ sau ba Kiến mà tu ba Đạo của

Vô học. Tiếp theo nói ba Tuệ ở trước, nhiếp tại bảy Phương tiện. Trụ sau cùng trong ba Trụ là Kiến đạo nhiếp, ba Giải thoát môn là Vô học đạo nhiếp. Giải thoát trụ thì luận này nương vào các giải thoát ở trước mà giải thích ba Trụ ngược lại. Lại nữa, giải thích Vô gián hạnh của sáu Chánh hạnh, tức là nhiếp trong bảy Phương tiện. “Vô gián tu thiện thọ tư duy”, tức là đã có Kiến đạo vô gián tu rồi thì hiện tại đắc Vô lậu, cho nên nói là Thiện thọ tu chỗ dẫn Thiện phát khởi, là Tu đạo nương vào Tu thiện căn mà khởi. Trong Tu đạo lìa Dục của ba cõi, đây là khi cõi dưới lìa cõi Dục thì lìa Dục của cõi Sắc gọi là Giản trạch đế, là tu hành Đế lý mà chọn lựa; lìa Dục của cõi Vô sắc thì gọi là không có Tăng thượng mạn, nếu Tỳ-kheo Tăng thượng mạn đắc Đệ tứ thiên thì gọi là quả La-hán, đây là lìa Dục của cõi Vô sắc mà đắc Vô lậu chân thật, không khởi Tăng thượng mạn, cũng đối với chính mình mà được lìa Dục của cõi Sắc, thì không khởi Tăng thượng mạn, những hạnh này đều là Tu đạo, nhưng phỏng theo trong một cõi tăng trưởng mà được tên, không bằng trước hiểu rồi sau đó đắc Vô học quả, gọi là Chánh tịnh hạnh, đắc sáu thứ Hằng trụ pháp. Giải thoát ở trước cũng có thể phối hợp theo thứ tự, cũng Trụ thứ nhất là trong Trụ thứ ba ở trước, bốn Trụ là Trụ thứ hai trước, phỏng theo thời gian tăng mà nói, thì Trụ thứ sáu là Trụ thứ nhất ở trước, hoặc từ đây về sau năm Trụ đều thông với hai Trụ trước.

Luận: Lại nữa, hai loại Xả thí: một là Thọ giả xả thí, hai là Thí giả xả thí. Thọ giả xả thí, sư Pháp có hai giải thích: một là như thí tự thân cho người khác thọ, tức là như ăn xong, xả bỏ thân mình mà cấp cho người khác thọ dụng, gọi là Thọ giả xả thí. Hai là thọ được tài sản của người khác mà hành Xả thí, tức là Chuyển thí pháp thí, chữ Thí đã có thể hiểu. Trong đắc hai Quả, thì Thọ là đắc đại Tài phú, Thí thì đắc quả Đăng lưu này. Lại nữa, một là phá xan tham của tự mình mà tự thọ dụng tài thọ, là tự xả ban cho thân mình thì gọi là Thọ giả xả thí, tức là làm nô bộc cho thân mình, cũng là đều lấy Thí tâm, cho nên trong tương lai này sẽ đắc tài bảo, trở lại tự thọ dụng làm quả Đăng lưu và quả Thắng giải; hai là thí cho người khác, là đắc đại Tài phú. Lại nữa, hai Thí trước thì giải thích như trước, đều là đắc đại Tài, là quả Dị thực, vì trong đó không có Xan, có thể thọ dụng trở lại gọi là quả Đăng lưu.

Luận: Trong luận Phá quá khứ và vị lai thật có, đoạn văn này vì muốn thuyết minh pháp của tự mình trong ba đời, trước hết là phá đối với nhân kia, chọn lựa quyết định Tầm tứ địa ở trước, văn trong quyển 6 không phải là chánh quyết định chọn lựa, đây là Y tha v.v... chọn lựa, cho nên trong vấn nạn dưới đây, “tại sao vậy”, là tổng trình bày.

“Không phải là pháp không có phương không có xứ, có nghĩa là từ phương khác chuyển đến phương khác”, đây là Pháp thứ nhất, đáng lẽ lập Lượng rằng: “Sắc của đời vị lai đáng lẽ có phương sở, có chuyển di, như Sắc hiện tại”. Lại nữa, “pháp của đời vị lai không thể di chuyển đến đời hiện tại, vì không có phương sở, như sừng thỏ, cũng không phải là pháp chưa sinh hay đã sinh v.v...”, đây là Pháp thứ hai. Nói rằng: “Pháp vị lai của ông quyết định không có chết, vì không có sinh, như hư không v.v... sừng thỏ v.v... Nếu hư không và sừng thỏ làm duyên được sinh thì khác với pháp mà sinh v.v...”, đây là Pháp thứ ba. Nói rằng pháp vị lai tự trụ không hoại, dùng pháp này làm duyên với hiện tại riêng pháp mà sinh, vì pháp vị lai này không có, liền có lỗi trái với Tông, thì làm sao nói tất cả pháp vị lai là vốn có, phải lập Lượng rằng: “Pháp hiện tại sinh này không phải thấy có trong vị lai, vì lìa sinh, như tướng dụng của Trụ và Diệt v.v... Lại nữa, trong Đệ nhất nghĩa của tất cả pháp không có tác dụng v.v...”, đây là Pháp nghĩa thứ tư của các sư chủ trương nghiệp dụng, nghiệp dụng lìa Thể thì chắc chắn là bất khả đắc, vì Thể có pháp sinh khởi, như tự thể của Thể, nếu thừa nhận là khác thì vị lai đáng lẽ cũng có nghiệp dụng, vì nương vào Thể mà sinh, như nghiệp hiện tại. Lại nữa, nghiệp dụng này đáng lẽ vốn không có mà bây giờ được sinh, tức là phù hợp với tha tông, nhưng trái với tự tông, vì tất cả pháp của tông kia có vị lai. Nếu như thế thì cũng phải lập Lượng rằng: “Tất cả thể tướng trong vị lai không có, vì không lìa nghiệp, cũng như nghiệp hiện tại v.v...”. Lại nữa, từ câu “cùng với ngôn tướng của Thế Tôn trái nhau” trở xuống, là phá thể Hữu trong vị lai, phải lập Lượng rằng: “Thể của đời vị lai, Thể đó là Thường, vì xưa có và nay cũng có, như hư không v.v... đồng với Nhất tướng, nếu tướng khác với phần mà được, thì đó là có Danh v.v...”, đây là Pháp thứ năm tướng vị lai chưa viên mãn, tướng hiện tại đã viên mãn. Trong đây nói: “Nếu chưa viên mãn thì vị lai có một phần, phần vị lai viên mãn này tại sao không có”? Phải lập Lượng rằng: “Vị lai lại có trong một phần viên mãn của hiện tại, vì có mỗi mỗi phần bất đồng đó, như tướng hiện tại”, Lại nữa, “tướng khác với phần xưa không nay có v.v...”, phải phá không viên mãn và không sẵn có của vị lai, Lượng rằng: “Một phần tướng không viên mãn của vị lai, xứng với một phần tướng xưa không nay có, như một phần tướng viên mãn của đời hiện tại”. Lại nữa, “lìa tất cả hành tướng của Sắc v.v... còn lại là phần vị lai v.v...”, đây là Pháp thứ sáu vị lai, riêng có phần không phải là Sắc v.v... hiện tại cũng vậy cho nên ba đời khác nhau, phải lập Lượng rằng: “Chỗ ông nói lìa ngoài Sắc ra là có, phần vị lai quyết định

là không, vì Hiện lượng và Tỷ lượng là bất khả đắc, như sừng thỏ. Lại nữa, đáng lẽ vị lai không có tướng quả, hiện tại mới có, tướng quả này cũng là xưa không nay có”, tại sao nói tất cả đều có trong vị lai! Lại nữa, tông kia thừa nhận vị lai có tướng quả, nếu như thế trước đã nói: “Chỉ có vị lai là có tự phần của nó”, thì chỗ nào có tướng của đời! Giải thích trước là thù thắng, phải lập Lượng rằng: “Thời của đời vị lai đáng lẽ có tướng quả, vì có phần của đời, như đời hiện tại”. Thế phần, tức là phần vị lai v.v... Giải thích này có sáu sự, Bản Địa phần ở trước có bảy giải thích. Đây là xem xét vấn đáp như Biệt hội.

Trong ba đời, Bản Địa quyển 3 ở trước đã giải thích có ba loại ba đời:

1. Thần thông ba đời.
2. Duy thức ba đời.
3. Pháp tướng ba đời.

Pháp tướng ba đời, cũng như đối với Chủng tử hiện tại, có nghĩa tương đương với “đã từng v.v...”. Nói về pháp của ba đời, tức là quyển 3 ở trước, đối với Chủng tử mà kiến lập, Chủng tử này đồng với hiện hành, nhưng Chủng tử thì thường hằng cho nên nói là Phi hiện hành. Dưới đây, quyển 2 ghi: “Hiện tại có ba tướng: một là Quả tướng quá khứ, hai là Nhân tướng vị lai, ba là Tự tướng hiện tại. Tức là pháp tướng ba đời. Duy thức ba đời, vì Thức trước đã từng có tướng đương với Cảnh v.v... như phạm phu v.v... duyên Cảnh quá khứ, Cảnh này tương đương với tâm hiện, vì trên Thức đối có công năng, Ảnh tượng tương sinh lẫn nhau, cùng với Thức không có Chủng tử riêng khác, tương tự như pháp của ba đời sinh khởi, pháp này thật ra là pháp hiện tại, nương gá vào Chủng tử đã từng duyên, tương đương với duyên Chủng tử mà sinh Ảnh tượng này, Ảnh tượng này do Duy thức vọng hiện cho nên gọi là Duy thức, do đó Bản Địa thứ ba ở trước, nếu Ý thức mặc tình tán loạn thì gọi là duyên Cảnh hiện tại, vì Cảnh này hằng hiện tại.

Hỏi: Tâm không cô độc dấy khởi nương gá vào Cảnh bản chất mà sinh, tâm này nếu duyên quá khứ vị lai không có Cảnh mà sinh, đã là Thức không có Bản chất, thì Cảnh làm sao mà sinh, như Cực vi, hư không v.v... lấy giáo làm Bản chất, như ở trước lấy Chủng tử làm Bản chất? Lại nữa, như sừng thỏ duyên, thì lấy gì làm Bản chất? Những thứ này đều là tên của Tâm gọi là Bản chất cho nên Ảnh tượng sinh, do đó chỉ có Thức. Sừng thỏ này không sinh, là do hiện tại không có Sinh nhân, hoặc như quá khứ đã không phải là quả của sừng thỏ. Sừng thỏ không đồng với quá khứ ba đời và thần thông ba đời, đây tức là Tha

tâm thông của Thiền định. Phạm phu và Thánh duyên quá khứ vị lai làm Cảnh, vì trí có công năng, tương tự như so với thời mà hiện, hoặc trí có mạnh yếu, duyên Cảnh có rộng hẹp, nghĩa này cùng với trước khác nhau. Hoặc nghĩa là chấp tâm không phải độ lượng Cảnh, nếu không chấp tâm so sánh độ lượng mà biết, hoặc lấy cảnh trong hiện tại và quá khứ đã từng thấy so với vị lai thì tương đương với sự này sinh, hoặc lấy hiện tại để so sánh, so sánh đã từng có sự này, so sánh độ lượng mà biết, nếu thần thông và Thiền định thì đây là chứng mà hiểu. Tuy công năng trên tâm mà sinh chứng quyết định, cho nên cùng với trước khác nhau. Như Bản Địa sao quyển 3 thì hiểu.

Luận: Đoạn văn “trong quá khứ đáng lẽ có quả, hiện tại cũng căn cứ theo nhân của vị lai mà có”, trong đây chỉ luận về nhân, tướng của nó đã xả, vì không luận về quả, không nói hiện có. Lại nữa, hiển thị quá khứ và vị lai không có Thể, là phỏng theo Hiện pháp mà lập, quá khứ thì không nói có quả, chỉ nói tự tánh cho nên nói là “đã không có”, để hiển thị vị lai chưa sinh tướng cũng không có Thể. vị lai nói là Nhân hiện hữu trên nhân của hiện tại, có nghĩa tương đương sinh quả để hiển thị đối với pháp hiện tại cũng được lập. Biết rõ Thể nhân tướng của quá khứ đã diệt, thì đối với hiện tại mà có nhân này, là đã từng có không phải bây giờ mới có, tức là đối với pháp hiện tại mà lập quá khứ. Đây là hiển văn có bốn duyên, như Bản Địa phần quyển 3 giải thích.

Luận: Nhân duyên trong Tùy thuận lý môn, nói: “Là các Sắc căn, Căn y và Thức, hai thứ này v.v...”, sư Pháp nói: “Căn y là Phù căn trần. Nếu như thế thì tại sao” trở xuống, là nhiếp trong tất cả Chủng tử, không nói Phù căn trần, kể đó đoạn văn dưới ghi: “Phải biết Sắc pháp của các luận khác chỉ có chỗ đeo đuổi của Chủng tử tự nó, văn lý của luận này thì trái lại cho nên giải thích điều đó. Căn y, tức là bốn Đại tạo căn. Trong “lại nữa” thứ hai giải thích nguyên nhân, nói: “Nếu các Sắc căn và Tự đại chủng của nó, không phải Chủng tử của tâm và tâm pháp đeo đuổi v.v...”, cho nên biết Căn y là bốn Đại tạo căn. Nếu như thế thì tại sao lại bàn luận? Nói rằng, đeo đuổi Sắc căn có Chủng tử của các Sắc căn và Chủng tử của các Sắc pháp khác v.v... không nói trong bốn Đại có Chủng tử v.v... của các Sắc pháp. Trong giải thích thì nói điều này lược bỏ không nói. Lại nữa, đoạn tổng văn trên nói Căn y, và trong nguyên nhân ghi: “Bốn Đại tự nó thuyết minh bốn Đại tạo căn, có Chủng tử của các pháp”, trong đây đã giải thích căn, giải thích bốn Đại tạo căn đã xong. “Phải biết Sắc pháp của các luận khác chỉ có chỗ đeo đuổi của Chủng tử tự nó”, đây là các Phù căn trần, không phải Sắc pháp

khí vật bên ngoài, lấy đây làm chuẩn tức là trong Tâm sở pháp đáng lẽ cũng phải có Chủng tử của tự nó. Trong đây chỉ nói Thức là lược bỏ mà không luận. Lại nữa, Tâm sở không đồng với Phù căn trần, nguyên nhân tại sao? Vì Thời của căn của Phù căn trần không có, chỉ có Tâm sở, nếu không như thế thì lẽ nào được Thời của tâm vương không có mà Tâm sở thì có, cho nên không đặt làm thí dụ. Trong đây nếu như khi cõi Hữu sắc có tâm, thì Chủng tử ở tại xứ nào? Làm mỗi mỗi Sắc pháp thì tâm pháp đều có Nhất thiết chủng tử mà làm, nhưng khi có tâm thì ở tại tâm, không có tâm thì ở tại Sắc, hoặc trong mỗi mỗi có hợp chung vô lượng Chủng tử. Lại nữa, khi sinh cõi Vô sắc, thì Chủng tử trong Sắc cùng ở tại chỗ nào! Nếu có tâm ở tại tâm v.v... thì như cõi Hữu sắc khi có tâm thì ở tại xứ nào! Nếu ở trong tâm thì tại sao không ở trong Sắc!

Luận ghi: “Sau khi sinh Vô tưởng thiên, là khi tâm sinh”, hoặc có người giải thích điều này, “ở tại sinh xứ kia rốt cuộc là không có tâm”, đây là ở tại chỗ thọ báo kia. Từ đây trở xuống khi sinh thì quyết định có tâm. Các văn luận dưới đây nói: “Đều là y theo khi chưa lập A-lại-da thánh giáo v.v...”, đây là Tùy thuận lý môn, nghĩa của các sư kinh Bộ.

Luận: Giải thích hai loại Thoái chuyển: một là Đoạn thoái, hai là Trụ thoái. Đoạn thoái, là do Phục và Đoạn mà Thoái chuyển. Trụ thoái, là mất Hiện pháp lạc trụ mà Thoái chuyển. Như Đối Pháp luận quyển 13.
